

Số: **33** /2020/CV-LEC-TCKT

"V/v: Công bố Báo cáo thường
niên năm 2019"

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực miền Trung**
- Mã chứng khoán: **LEC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô A5 đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: 0236.2466.466
- Fax: 0236.3938.445
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phạm Thị Nghi Xuân
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm người được ủy quyền công bố thông tin
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực miền Trung xin công bố Báo cáo thường niên năm 2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/04/2020 tại đường dẫn: <http://lec.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-2.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu gửi kèm:

- BCTN năm 2019

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu HCNS

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Phó Tổng Giám Đốc

Phạm Thị Nghi Xuân



CTCP BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG



Lô A5 Phạm Văn Đồng, Phường An Hải Bắc,
Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng



Số điện thoại: (0236) 2466 466



www.lec.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG



Mang đến khách hàng môi trường sống thoải mái và đầy đủ tiện nghi

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	1
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	19
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	39
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	57
QUẢN TRỊ CÔNG TY	65
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	80





THÔNG TIN CHUNG



Thông Tin Khái Quát


Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển

Ngành Nghề Và Địa Bàn Kinh Doanh

Mô Hình Quản Trị Và Bộ Máy Quản Lý

Định Hướng Phát Triển

Các Rủi Ro

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG
Tên tiếng anh:	CENTRAL POWER REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	LEC
Mã số doanh nghiệp:	0400592801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 07 năm 2016
Vốn điều lệ:	261.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	261.000.000.000 đồng
Địa chỉ:	Lô A5 Phạm Văn Đồng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số điện thoại:	(0236) 2466 466
Số fax:	(0236) 3938 445
Website:	lec.com.vn
Logo Công ty	





2007

Ngày 29/11/2007, Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực miền Trung (Land Central) được thành lập bởi 4 cổ đông sáng lập là: Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực miền Trung, Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà, với số vốn thực góp là 209 tỉ đồng

2008

- Ngày 02/01/2008, Công ty chính thức đi vào hoạt động tại Tòa nhà EVN-Land Central số 78A Duy Tân - Đà Nẵng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty giai đoạn này là khai thác cho thuê, quản lý vận hành 5.000 m² văn phòng cao cấp tại Tòa nhà 78A Duy Tân.
- Ngày 17/06/2008, Công ty chính thức khai trương Sân giao dịch bất động sản EVNLand Central, phát triển thêm lĩnh vực môi giới, tư vấn chuyển nhượng Bất động sản tại Khu vực miền Trung.

2010-2014

2010-2014: Công ty đã triển khai các dự án:

- Dự án Khu Dân cư Phú Lộc An tại Thanh Lộc Đán, Hòa Minh, Đà Nẵng với quy mô 54 lô đất nền nằm trong Khu dân cư được đầu tư cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh.
- Dự án khu phức hợp EVN-Land Central Đà Nẵng giai đoạn 1 (tên thương mại của dự án là Khu căn hộ Harmony Tower). Khởi công xây dựng từ tháng 4/2010, dự án đã khánh thành chính thức bàn giao cho khách hàng và hoạt động từ Quý 2/2013



Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29/12/2015 đã phê duyệt việc triển khai Dự án khu phức hợp EVN-Land Central Đà Nẵng giai đoạn 2, dự kiến sẽ triển khai trong năm 2016

2016

Ngày 05/06/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số 181/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung niêm yết cổ phiếu trên HOSE, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung với mã chứng khoán LEC chính thức giao dịch vào ngày 14/6/2017

Tháng 5 năm 2016, Công ty hoàn tất đợt phát hành riêng lẻ 5.151.123 cổ phần cho 4 nhà đầu tư, góp đủ vốn điều lệ là 261 tỷ đồng

2015

2017

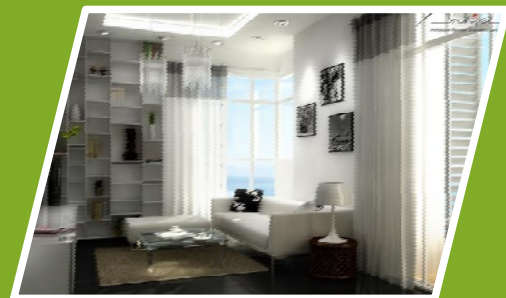


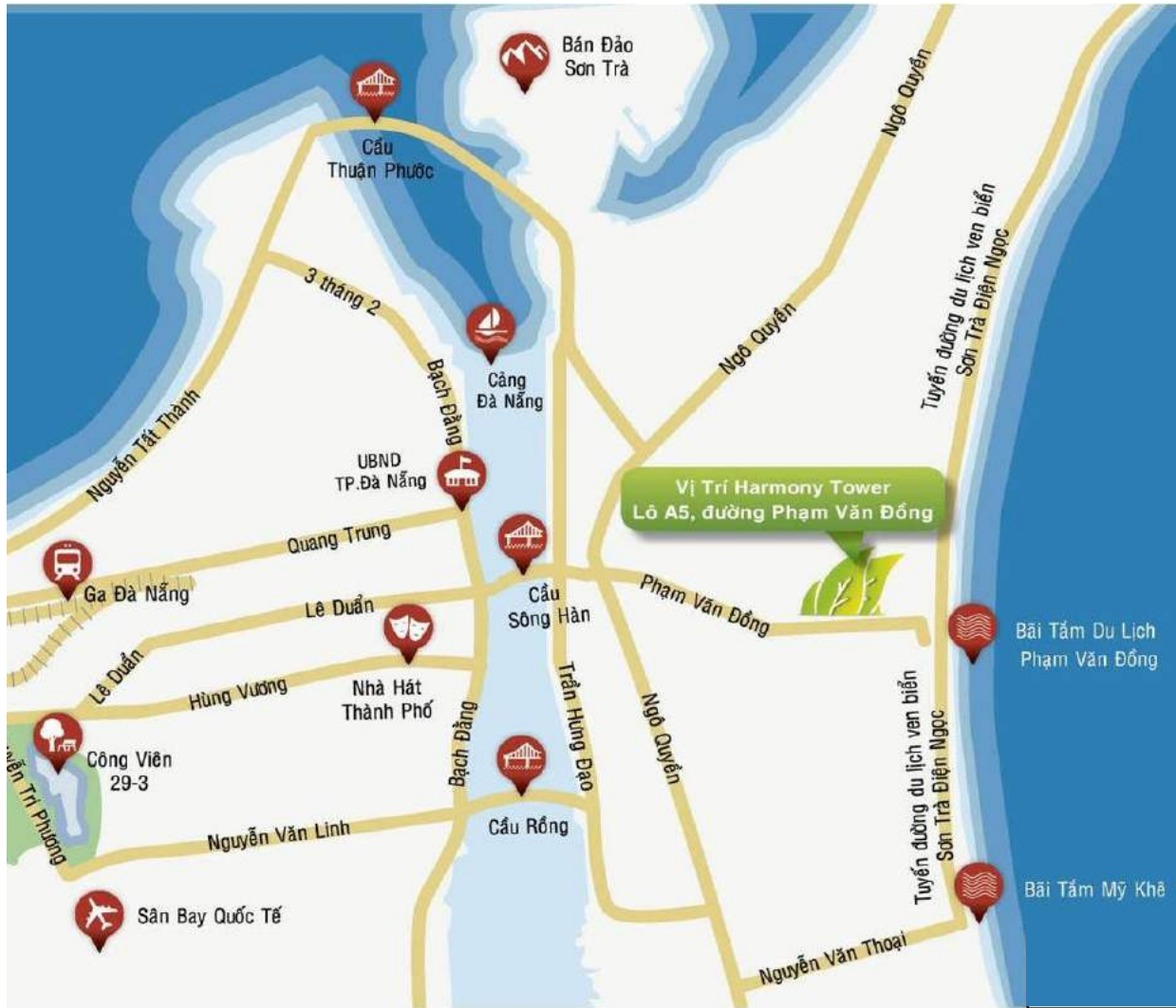
Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản: Đầu tư tạo lập nhà, mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua.
- Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại.
- Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng.
- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
- Đầu tư và kinh doanh trung tâm thương mại, siêu thị.
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, khách sạn, nhà hàng.
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí.
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.
- Môi giới, định giá, dịch vụ sản giao dịch tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản.
- Tư vấn lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp quy mô vừa và nhỏ.
- Tư vấn lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế kết cấu công trình năng lượng, quản lý dự án, giám sát thi công và xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp.
- Đầu tư, xây dựng và tư vấn các công trình điện.

Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Bất Động Sản Điện Lực Miền Trung được phép hoạt động trên phạm vi toàn quốc, tuy nhiên hiện nay toàn bộ doanh thu hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung tại thành phố Đà Nẵng và các khu vực lân cận.



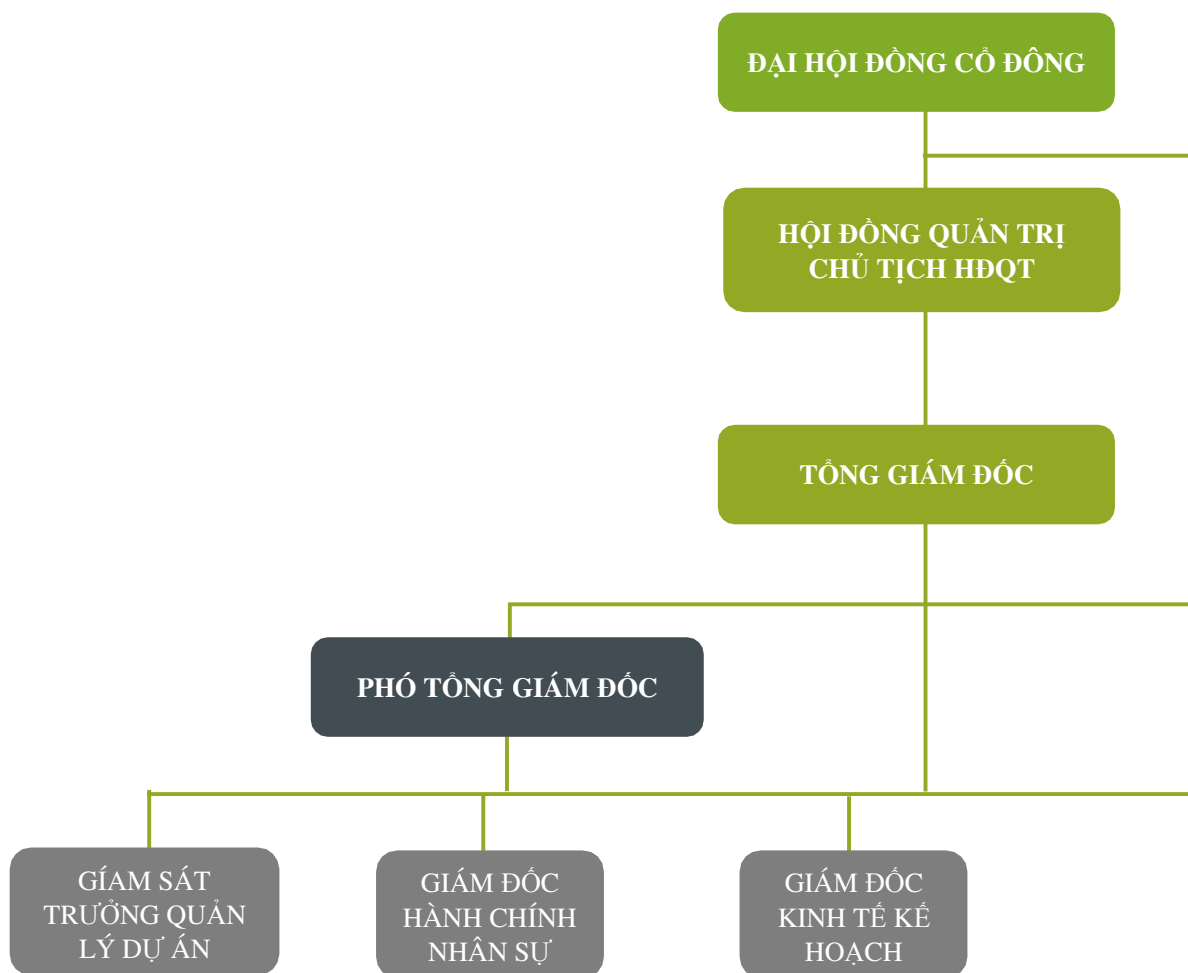


Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Mô hình quản trị

Hoạt động với hình thức công ty cổ phần, ngoài việc tuân thủ các quy định pháp luật, hoạt động kinh doanh của LEC còn thực hiện đúng theo các quy định theo Điều lệ Công ty, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ....



Các Công ty con, Công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Vốn góp	% Vốn điều lệ
1	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Phúc Tiến	25.500.000.000	85,5%
2	CTCP Đầu tư Xây dựng P&P	86.976.000.000	96%
3	CTCP Vui chơi Thể Hệ Mới	127.710.000.000	99%
4	CTCP Đầu tư và Phát triển Ánh Dương Hòa Bình	69.521.760.000	75,24%

Công ty liên kết: Không có

BAN KIỂM SOÁT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**GIÁM ĐỐC
TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN**

**GIÁM ĐỐC SÀN
GIAO DỊCH BĐS**



TÂM NHÌN

Xây dựng Công ty trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh và cung cấp dịch vụ bất động sản hàng đầu khu vực Miền Trung.

SỨ MỆNH

SỨ MỆNH

Mang lại những sản phẩm có giá trị, chất lượng và dịch vụ tốt nhất nhằm đáp ứng sự kỳ vọng của khách hàng; thu nhập người lao động ngày càng tăng, đời sống ổn định; kiến tạo những cộng đồng dân cư mang tính nhân văn kết hợp với không gian xanh hài hòa với thiên nhiên.

TÂM NHÌN

LEC



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- CHẤT LƯỢNG
- SÁNG TẠO
- GIÁ TRỊ
- KHÁCH HÀNG

CHẤT LƯỢNG:

Công ty cam kết cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất.

SÁNG TẠO:

Không ngừng sáng tạo, đổi mới để tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị ngày càng cao cho khách hàng.

GIÁ TRỊ:

Duy trì sự phát triển, tăng giá trị cho doanh nghiệp, khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

KHÁCH HÀNG:

Khách hàng là trung tâm. Mọi CBCNV của Công ty đều có bổn phận phục vụ khách hàng, làm hài lòng khách hàng.



Chiến lược phát triển

- Xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh trên cơ sở hướng đến chất lượng, chuyên nghiệp để phát triển bền vững và đem lại giá trị dài hạn cho cổ đông.
- Các dự án Bất động sản du lịch: nắm bắt thời cơ để đầu tư các dự án khách sạn. Xem trọng chất lượng thiết kế nhằm tạo ra sự khác biệt, độc đáo để tăng khả năng cạnh tranh. Phát triển các khách sạn gắn với các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới. Lựa chọn đơn vị quản lý khách sạn quốc tế và mua nhượng quyền thương hiệu phù hợp với từng dự án nhằm tạo ra hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Thị trường căn hộ: căn cứ vào đặc điểm thị trường miền Trung, chọn phân khúc căn hộ hạng trung, cao cấp để đầu tư và cung cấp cho thị trường căn hộ có chất lượng tốt, gần gũi với thiên nhiên.
- Phát triển dịch vụ cho thuê căn hộ nhằm đem lại nhiều sự lựa chọn cho Nhà đầu tư mua căn hộ. Qua đó phát triển dịch vụ cho thuê căn hộ của Công ty.
- Sàn giao dịch bất động sản: xây dựng đội ngũ nhân viên môi giới, tư vấn bất động sản chuyên nghiệp, tận tâm, thân thiện và tin cậy đối với khách hàng.
- Xây dựng thương hiệu Công ty gắn với việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp.
- Phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn giỏi, tính chuyên nghiệp cao, tận tâm với công việc và luôn vì sự nghiệp phát triển của Công ty.



Kế hoạch phát triển trung và dài hạn

- Kế hoạch phát triển của Công ty trong giai đoạn 2017 – 2020 tập trung vào việc phát triển thị trường bất động sản không chỉ ở Đà Nẵng mà còn mở rộng ra các địa phương có tiềm lực kinh tế phát triển và quy mô dân số gia tăng tại các tỉnh miền Bắc như Vĩnh Phúc và Hòa Bình. Với tham vọng mở rộng địa bàn hoạt động, Ban lãnh đạo đang và sẽ xúc tiến các hoạt động mua bán và sáp nhập các công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và thi công xây dựng, các doanh nghiệp có quỹ đất sạch phát triển đô thị hoặc khu công nghiệp.
- Triển khai Dự án EVN-Land Central Đà Nẵng giai đoạn 2 để hoàn chỉnh tổng thể toàn bộ Khu phức hợp. Với mật độ xây dựng thấp và ý tưởng “Mang thiên nhiên vào cuộc sống”, EVN-Land Central Đà Nẵng sẽ là một điểm nhấn hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tại thành phố Đà Nẵng.
- Thực hiện chiến lược M&A đối với các công ty có quỹ đất tại các tỉnh Vĩnh Phúc và Hòa Bình, Công ty sẽ mở rộng đầu tư ra các tỉnh phía Bắc đang rất nhiều tiềm năng, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội, đa dạng hóa sản phẩm của doanh nghiệp.
- Chiến lược phát triển trên của Công ty hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển ngành du lịch của Thành phố Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung thông qua việc cung cấp cho thị trường những sản phẩm dịch vụ du lịch cao cấp nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng và không ngừng được nâng cao của khách du lịch và các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.



❖ **Rủi ro về kinh tế**

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Ở trong nước nền kinh tế nước ta cũng tiếp tục đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, ngành chăn nuôi bị ảnh hưởng nặng nề của dịch tả lợn Châu Phi, tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch. Tuy nhiên nhờ các giải pháp mang tính kịp thời và hiệu quả của Chính phủ cũng như sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, GDP cả năm 2019 tăng 7,02%, mặc dù thấp hơn mức 7,08% của năm 2018 nhưng vẫn là con số ấn tượng.

Thị trường bất động sản năm 2019 vẫn duy trì được sự phát triển ổn định và đồng đều trên mọi phân khúc. Thị trường bất động sản tại Đà Nẵng tiếp tục có một năm sôi động, đặc biệt là phân khúc đất nền, đã mang lại nhiều cơ hội cũng như giá trị gia tăng cho các nhà đầu tư bất động sản.

Mặc dù vậy, nền kinh tế nước ta vẫn tồn tại những rủi ro như hoạt động thương mại và đầu tư thế giới giảm; xu hướng tăng lãi suất, giá dầu diễn biến phức tạp; xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trên vật nuôi diễn biến phức tạp.... Ban lãnh đạo LEC sẽ thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế khu vực và vĩ mô nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý khi rủi ro xuất hiện cũng như tận dụng tốt cơ hội để có thể mang lại giá trị kinh tế lớn hơn nữa cho Công ty.

❖ **Rủi ro về môi trường**

Bên cạnh Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định thông tư có liên quan khác, LEC còn chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ Môi trường. Điều này đòi hỏi Công ty cần phải đảm bảo những tiêu chuẩn theo Luật này khi thực hiện các hoạt động xây dựng, sử dụng và tái chế. Trong quá trình xây dựng, việc xử lý, giải quyết các vấn đề về chất thải, khói bụi, tiếng ồn,... như thế nào để tránh gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động cũng như cộng đồng xung quanh khu vực thi công là một vấn đề được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, nhằm thực hiện tăng trưởng phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường, lợi ích xã hội và đảm bảo thực hiện ý nghĩa mà LEC muốn mang đến cho khách hàng là một môi trường sống thoải mái và đầy đủ các tiện nghi. Vì thế việc xử lý chất thải, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng là vấn đề Công ty đặc biệt rất quan tâm đến.



❖ **Rủi ro pháp luật**

Hoạt động của LEC chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đất đai, luật xây dựng và các Nghị định thông tư có liên quan khác. Tuy nhiên, hiện nay, Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, bất kỳ sự thay đổi nào về các quy định liên quan và quy định đặc thù của ngành đều tác động trực tiếp đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Nghị định 71 về quản trị Công ty đã có hiệu lực từ cuối năm 2017, các bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, đòi hỏi công ty phải có bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của công ty sao cho không vi phạm các quy định được điều chỉnh. Do đó Ban lãnh đạo các cấp của LEC luôn tìm hiểu và đặc biệt quan tâm đến các văn bản luật vừa được ban hành để giảm thiểu rủi ro gặp phải.



❖ **Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản.



Rủi ro đặc thù hoạt động kinh doanh

Rủi ro lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp. Với đặc thù lĩnh vực xây dựng có thời gian xây dựng dài, khối lượng công việc lớn và còn phải phụ thuộc vào các chính sách, thủ tục pháp lý khác nhau. Hơn nữa quá trình nghiệm thu, bàn giao trải qua nhiều giai đoạn dẫn đến thời gian thu hồi vốn kéo dài tạo áp lực thanh toán cho công ty. Kết thúc năm 2019, mặt bằng lãi suất cho vay tương đối ổn định, cùng với những dự đoán tương tự cho năm 2019 là một thuận lợi cho LEC thực hiện các dự án đầu tư trong tương lai.

Rủi ro cạnh tranh

Cùng với sự hồi phục của nền kinh tế trong những năm gần đây, thị trường bất động sản cả nước nói chung và tại Thành Phố Đà Nẵng nói riêng có nhiều dấu hiệu khởi sắc. Với việc tổ chức thành công sự kiện APEC năm 2017, thị trường bất động sản Đà Nẵng đã bùng nổ mạnh mẽ, trở thành sự lựa chọn đầy hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và các khách mua có nhu cầu sở hữu bất động sản thứ hai. Một số tên tuổi các nhà phát triển bất động sản lớn đang sở hữu các dự án tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh lân cận có thể kể đến như Tập đoàn Empire, Tập đoàn VinGroup, Đất xanh Miền Trung, Công ty Cổ phần Bất động sản VNG Việt Nam, Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng, Tập đoàn Mường Thanh,... Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Công ty CP Bất Động sản Điện lực Miền Trung. Do vậy, để giảm thiểu tính cạnh tranh cũng như để xây dựng vị thế trên thị trường bất động sản tại khu vực Đà Nẵng, Công ty đã và đang định hướng đến phân khúc thị trường đang được các nhà đầu tư yêu thích, đó là các dự án khách sạn, căn hộ chung cư cao cấp ven biển với diện tích từ 49 – 100 m²/ căn hộ. Tiêu biểu là dự án Khu phức hợp EVN-Land Central Đà Nẵng của Công ty với quy mô hơn 1,3 ha, gồm 3 khối cao tầng kết hợp trung tâm thương mại, khách sạn và căn hộ cao cấp tọa lạc trên trục đường Phạm Văn Đồng ra biển, một trong những con đường đẹp nhất thành phố Đà Nẵng



Ris



Rủi ro nguồn nguyên vật liệu

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu của Công ty chủ yếu là quyền sử dụng đất và các nguyên vật liệu xây dựng. Sự biến động nguồn cung và giá của các nguyên vật liệu xây dựng là yếu tố ảnh hưởng lớn đến nguồn thu của LEC. Trong giai đoạn 2019 – 2020, Trung Quốc sẽ tiếp tục thực thi các biện pháp cải cách ngành thép để tăng tính tập trung, loại bỏ các doanh nghiệp yếu kém và giảm tình trạng dư thừa công suất. Do đó, tình trạng chấp nhận bán lỗ như năm 2015 để xuất khẩu được hàng sẽ khó có thể xảy ra. Hơn nữa với triển vọng tăng trưởng kinh tế tích cực và định hướng đẩy mạnh đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng của chính phủ trong thời gian tới. Vô hình chung đã khiến cho giá thép cũng như giá vật liệu xây dựng Việt Nam sẽ biến động.

Để đảm bảo cho nguyên vật liệu đầu vào ổn định về giá, đảm bảo đúng quy cách chất lượng, chủng loại và cung cấp kịp thời, đáp ứng cho các dự án bất động sản của Công ty hoàn thành đúng tiến độ bàn giao cho khách hàng, Công ty đã và đang thiết lập được một hệ thống các nhà thầu chiến lược đầy tiềm năng và uy tín, đã hoạt động lâu năm trong ngành như CTCP PPC An Thịnh Đà Nẵng. Đồng thời đẩy mạnh hoạt động M&A đối với các Công ty có quỹ đất (Tại Hòa Bình, Vĩnh Phúc) và Công ty cung cấp vật liệu xây dựng như CTCP Đầu tư và xây dựng P&P, Công Ty TNHH Đầu Tư Và PT Hạ Tầng Phúc Tiến, Công Ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Ánh Dương Hòa Bình,... nhằm đảm bảo nguồn cung cấp cho các dự án của Công ty đang triển khai.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM





Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

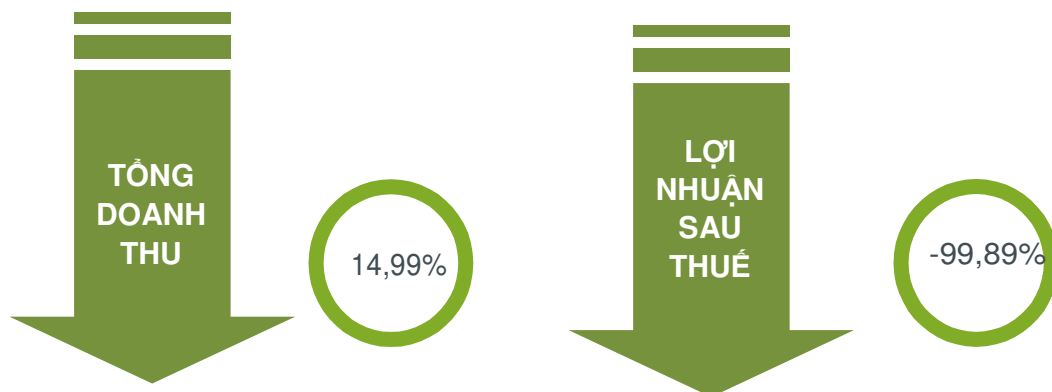
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	TH 2019	KH 2019	TH 2019 /2018	TH/KH 2019
Tổng doanh thu	Triệu đồng	531.300	481.938	566.920	90,71%	85,01%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	527.434	481.893	566.920	91,37%	85,00%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.850	4.991	16.763	85,32%	29,77%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	788	15	13.410	1,90%	0,11%

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2019 của nền kinh tế nước ta vẫn duy trì ở mức khá cao, đạt mức 7,02% so với năm 2018. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%.

Đối với LEC, năm 2019 doanh thu đến chủ yếu từ mảng xây lắp vì hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã hết trong năm 2017 và chưa có sản phẩm mới. Doanh thu thuần năm 2019 đạt 481,89 tỷ đồng tương đương 90,71% so với năm 2018 và đạt 85,01% so với kế hoạch năm. Đồng thời việc chi phí lãi vay tăng mạnh và một số chi phí quản lý như chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi vẫn ở mức cao khiến cho lợi nhuận sau thuế năm 2019 giảm mạnh và không đạt chỉ tiêu đã đề ra.



Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Kháng Chiến	Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT
2	Hoàng Trọng Thành	Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm từ ngày 01/03/2020)
3	Phạm Thị Nghi Xuân	Phó Tổng giám đốc
4	Trần Minh Tuấn	Kế toán trưởng

Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

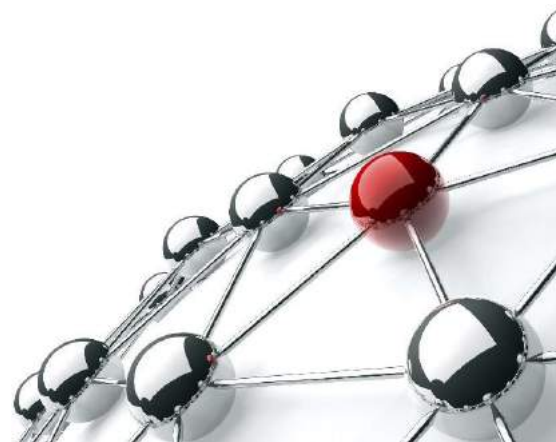
Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Kháng Chiến – Tổng giám đốc	
Năm sinh	: 01/01/1964
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
1982-1986	Thực hiện nghĩa vụ quân sự tại lữ đoàn 312 thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
1987-1993	Học chuyên ngành Kinh tế tại Liên Bang Nga (Liên Xô cũ)
1994-1999	Giám đốc công ty TNHH An Thịnh Hà Nội
1999-2013	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng An Thịnh Vĩnh Phúc
2005-2009	Tổng Giám đốc công ty cổ phần bất động sản An Thịnh Hoà Bình
2010 đến nay	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị công ty cổ phần bất động sản An Thịnh Hoà Bình
2013 đến nay	Chủ tịch hội đồng thành viên công ty TNHH An Thịnh Quảng Nam
2014 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị các Công ty: + Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển Hạ tầng PPC An Thịnh Việt Nam + Công ty cổ phần PPC An Thịnh Đà Nẵng + Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt + Công ty cổ phần Golf An Việt Thomson Perrett + Công ty cổ phần Golf An Việt Hoà Bình + Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển đô thị và khu công nghiệp Nhân Hoà + Công ty cổ phần An Việt Quảng Bình + Công ty cổ phần Liên doanh An Việt Nhật + Công ty CP Quốc tế Nam Hội An
2016 đến nay	Tổng giám đốc công ty TNHH Lemony Hà Nội + Giám đốc công ty TNHH đầu tư phát triển và xây dựng Việt Trung + Giám đốc công ty TNHH đầu tư PT Đoàn Linh Gia
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	: 0



Ông Hoàng Trọng Thành - Phó Tổng giám đốc

Năm sinh	:	05/04/1968
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác		
Từ năm 1992 đến năm 1999		Kỹ sư trưởng Công ty Xây lắp số 3 Quảng Nam Đà Nẵng
Từ năm 2000 đến năm 2006		Trưởng phòng Dự án Công ty Xây lắp số 3 Quảng Nam Đà Nẵng
Từ năm 2007 đến năm 2010		Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vinaconex 25
Từ tháng 07/2010 đến tháng 07/2011		Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bất động sản Điện lực miền Trung
Từ tháng 08/2011 đến tháng 02/2016		Trưởng ban Chiến lược thương hiệu Công ty CP Vinaconex 25
Từ tháng 03/2016 đến 05/2016		Phó Tổng Giám đốc - CTCP Bất động sản Điện lực Miền Trung
Từ tháng 05/2016 đến 07/2016		Tổng Giám đốc - CTCP Bất động sản Điện lực Miền Trung
Từ tháng 07/2016 đến 29/02/2020		Phó Tổng Giám đốc - CTCP Bất động sản Điện lực Miền Trung
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	0



Bà Phạm Thị Nghi Xuân - Phó Tổng giám đốc

Năm sinh	:	18/09/1969
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác		
Từ năm 1993 đến năm 2002:		Kế toán Tổng hợp tại Công ty Vận tải Đa phương thức trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải
Từ năm 2003 đến năm 2007:		Phó phòng TCKT tại Công ty Vận tải Đa phương thức trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải
Từ năm 2008 đến năm 2014		Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bất Động sản Điện lực miền Trung
Từ tháng 5/2015 đến tháng 15/12/2015:		Phụ trách Phòng Tài Chính kế toán – Điện lực Hải Châu thuộc Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đà Nẵng
Từ tháng 01/2016 đến nay:		Phó TGD Công ty Cổ phần Bất Động sản Điện lực miền Trung
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	0

Ông Trần Minh Tuấn – Kế toán trưởng

Năm sinh	:	18/03/1979
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác		
Từ năm 2001 đến năm 2008		Chuyên viên Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng
Từ năm 2008 đến năm 2014		Chuyên viên kế toán tại CTCP Bất động sản Điện lực Miền Trung
Từ năm 8/2014 đến năm 12/2014		Phó giám đốc bộ phận Tài chính kế toán tại CTCP Bất động sản Điện lực Miền Trung
Từ năm 12/2014 đến nay		KTT tại Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	120 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ



Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2019

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	90	100%
1	Trình độ Đại học, Cao đẳng	76	84,44
2	Trình độ Trung cấp	14	15,56
II	Theo giới tính	90	100%
1	Nam	56	62,22
2	Nữ	34	37,78
Tổng cộng		90	100%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	8.700.000	8.700.000	8.700.000

Chính sách phúc lợi

- Ngoài các chính sách lương, thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc và mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và mua Bảo hiểm sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Về hoạt động đoàn thể, hàng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ mát, dã ngoại và thực hiện đầy đủ các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ,...Đồng thời tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm tăng cường sức mạnh đoàn kết tập thể, tạo môi trường giao tiếp, gắn kết, khuyến khích nhân viên phát huy năng lực.



Chính sách lương - thưởng

LEC xây dựng chính sách lương cán bộ công nhân viên phù hợp với năng lực công tác và vị trí phụ trách. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu suất lao động của cán bộ công nhân viên; từ đó, có đánh giá và điều chỉnh mức lương phù hợp cho nhân viên trên toàn Công ty.

Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho cán bộ công nhân viên. Về cơ bản, tại Công ty có các chế độ thưởng như sau:

- Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- Thưởng cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc;
- Thưởng nhân các ngày Lễ, Tết;
- Thưởng kinh doanh;
- Thưởng đột xuất hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong kỳ;
- Thưởng người tốt việc tốt;
- Thưởng cho công trình sản phẩm mới.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắc khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ công nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên, từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.



Các khoản đầu tư lớn trong năm: Không phát sinh





Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.068.401	1.077.939	0,89%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	527.434	481.893	-8,63%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	5.916	5.243	-11,38%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-67	-252	276,12%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5.850	4.991	-14,68%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	788	15	-98,10%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (*)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,21	1,21
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,87	0,97
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	67,81%	68,12%
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	210,61%	213,70%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,77	2,08
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,49	0,45
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,15%	0,003%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	0,23%	0,004%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,07%	0,001%
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,12%	1,09%



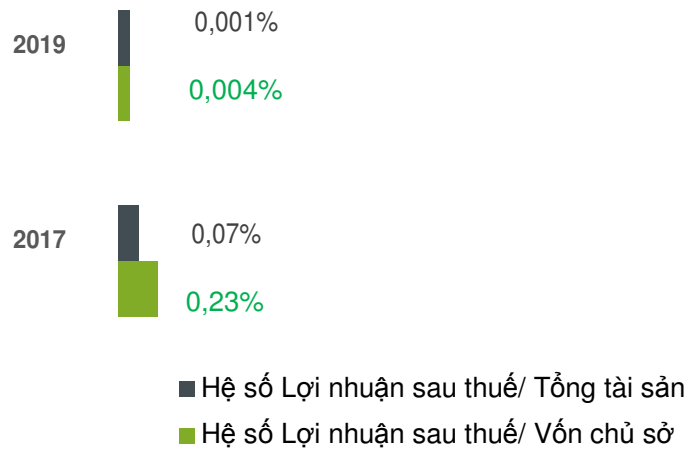
(*) Các chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo tài chính Công ty năm 2019 đều có sự biến động. Cụ thể như sau:

Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2019 biến động không nhiều so với năm 2018 và lần lượt đạt các mức 1,21 lần và 0,97 lần do tài sản ngắn hạn tăng (1,92%) tương ứng với mức tăng của nợ ngắn hạn (1,36%). Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do khoản trả trước cho người bán ngắn hạn năm 2019 tăng 95,6 tỷ đồng đến từ công ty con – Công ty CP đầu tư và xây dựng P&P. Bên cạnh đó nguyên nhân làm cho nợ ngắn hạn năm qua tăng đến từ việc gia tăng các khoản vay ngắn hạn và khoản mục người mua trả tiền trước tăng lần lượt là 10,67 tỷ đồng và 15,65 tỷ đồng, đã góp phần làm cho nợ ngắn hạn tăng nhẹ lên 1,36%, tương đương 9,88 tỷ đồng. Nhìn chung các hệ số thanh toán này vẫn đảm bảo khả năng thanh toán cho LEC và là mức khá trong ngành xây dựng, kinh doanh bất động sản. Hơn nữa đây là giai đoạn Công ty thực hiện đầu tư, phát triển dự án nên sự biến động này là hợp lý.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

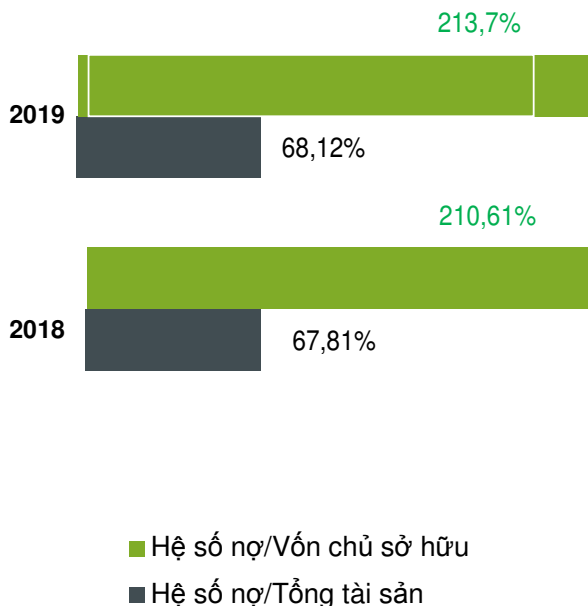




Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung những chỉ số về khả năng sinh lời đã có những biến động nhất định trong năm vừa qua. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2019 của LEC đạt 481,89 tỷ đồng, giảm 45,54 tỷ đồng so với năm 2018 dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế giảm khá nhiều, giảm 11,38% và 98,1% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của LEC chỉ đạt 14,8 triệu đồng do chi phí lãi vay tăng và doanh thu từ hoạt động tài chính giảm mạnh tới 99,52%. Do đó, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời như tỷ suất lợi nhuận thuần, ROA, ROE giảm mạnh so với năm 2018. Từ đó cho thấy năm 2019 là năm công ty hoạt động kinh doanh chưa thực sự hiệu quả và cần tái cấu trúc hoạt động.





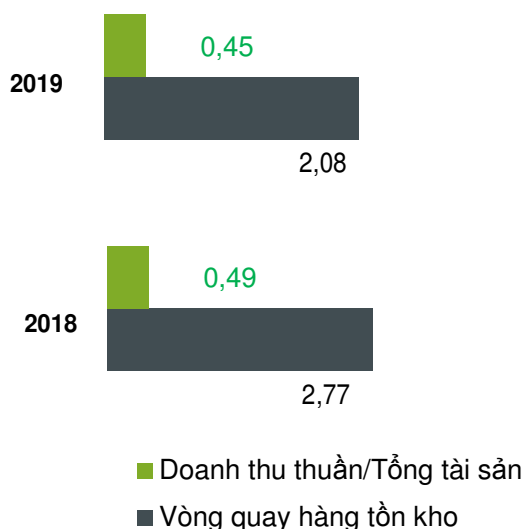
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Nhìn chung, so với các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản thì Tổng Công ty có cơ cấu nợ chiếm tỷ trọng không cao trong cơ cấu nguồn vốn. Trong năm 2019 hệ số nợ/ tổng tài sản và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 68,12% và 213,7% so với 67,81% và 210,61% năm 2018. Các khoản mục trong cơ cấu vốn chủ sở hữu đã giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, đồng thời nợ phải trả cũng tăng nhẹ 1,36%. Cụ thể nợ phải trả năm 2019 tăng lên 9,88 tỷ đồng so năm 2018 chủ yếu do sự gia tăng đến từ vay ngắn hạn khi tăng hơn 10,67 tỷ đồng, là các khoản vay ngân hàng Bidv – chi nhánh Hòa Bình và ngân hàng Agrribank – chi nhánh Tây Đô và việc tăng gần 15,65 tỷ đồng từ người mua trả tiền trước liên quan đến dự án Soleil Ánh dương Đà Nẵng., Mặc dù nợ vay ngắn hạn tăng nhưng cơ cấu vốn năm 2019 của Tổng Công ty của LEC vẫn ở trong mức an toàn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2019 đạt 2,08 vòng, giảm không đáng kể so với 2,77 vòng của năm 2018.

Giá vốn hàng bán năm 2019 đã giảm 9,49% so với năm 2018 tương đương với 45,5 tỷ đồng. Đồng thời, hàng tồn kho trong năm 2019 giảm mạnh 27% so với cùng kỳ với mức giảm lớn hơn mức giảm của giá vốn (giảm 65,2 tỷ đồng) dẫn đến vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ 0,69 vòng so với năm 2018. Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản giảm nhẹ 0,04 so với năm 2018 chủ yếu do doanh thu thuần năm 2019 giảm 8,63% so với năm 2018 dẫn đến hệ số này giảm nhẹ. Các hệ số năng lực hoạt động của LEC khá ổn định so với các công ty cùng ngành



Cổ phần

- Vốn điều lệ: 261.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 26.100.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Cổ phiếu thường: 26.100.000 cổ phiếu
 - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 26.100.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/03/2019

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	26.523	26.099.630	99,999%
	- Tổ Chức	13	15.705.663	60,175%
	- Cá nhân	25.510	10.393.967	39,824%
2	Cổ đông nước ngoài	2	370	0,001%
	Tổng cộng	26.525	26.100.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Công ty TNHH Lemony Hà Nội	0106242520	Số 41A Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	5.235.124	20,06
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển và Xây dựng Việt Trung	0106693393	Số 30 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	5.235.124	20,06
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đoàn Linh Gia	0106702168	Số 30 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	5.235.124	20,06

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không





Bên cạnh hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ giải trí thì xây dựng là mảng hoạt động mới nhưng mang lại nguồn thu lớn cho LEC. Với tính chất đặc thù của hoạt động thi công xây dựng là tác động đến chất lượng không khí và cộng đồng xung quanh. Tổng Công ty luôn ý thức trách nhiệm của mình và tôn trọng ý nghĩa của thương hiệu LEC (Viết tắt của “Life, Enjoyment và Convenience”) là mang đến cho khách hàng một môi trường sống thoải mái và đầy đủ các tiện nghi, cũng như hướng đến hình ảnh những công trình xây dựng, những dự án bất động sản thân thiện với môi trường. Với sự đồng bộ trong ứng dụng khoa học kỹ thuật cũng như hệ thống quản lý và phần mềm kỹ thuật, sử dụng công nghệ thiết bị tiên tiến, thân thiện với môi trường đã giúp LEC chủ động và đáp ứng các tiêu chí xây dựng bền vững, tiết kiệm nước, sử dụng hiệu quả năng lượng và bảo vệ môi trường.

Tiêu thụ năng lượng trong năm

Năng lượng cùng với vấn đề biến đổi khí hậu đang trở thành mối quan tâm lớn của toàn nhân loại, trong đó vấn đề năng lượng đã và đang trở thành đề tài nóng bỏng, được đặc biệt quan tâm không chỉ của riêng quốc gia nào. Do khủng hoảng năng lượng toàn cầu, các nguồn năng lượng như than, dầu mỏ, khí đốt đã dần cạn kiệt và trở nên khan hiếm, trong khi đó tình trạng lãng phí năng lượng đã và đang xảy ra đáng báo động ở nhiều quốc gia.

Với đà phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế, nhu cầu điện năng cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa là rất lớn. Với nguồn năng lượng được sử dụng chủ yếu trong quá trình hoạt động là điện năng dùng cho hoạt động tại các văn phòng công ty và công trình xây dựng. Ngoài ra, công ty còn sử dụng dầu và các loại khí đốt để vận hành các thiết bị, máy móc hỗ trợ hoạt động xây dựng, dịch vụ vui chơi giải trí. Hiểu được trách nhiệm với môi trường, Công ty đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên Công ty về sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.



Tình hình Tiêu thụ nước

Nguồn nước tiêu thụ trong năm chủ yếu dùng cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và hoạt động xây dựng. Hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình, lượng nước dùng cho hoạt động xây dựng chủ yếu được dùng trong vữa xây và bê tông. Trung bình với mỗi 1 m³ bê tông hoặc vữa xây sẽ tiêu tốn khoảng 120-180 lít nước. Lượng nước sử dụng trong quá trình xây dựng được lấy từ nguồn nước ngầm ngay tại công trình thi công, sẽ giảm thiểu được chi phí cho quá trình xây dựng. Tuy nhiên việc khoan nước ngầm sẽ có những tác động nhất định đến hệ sinh thái khu vực, do đó Công ty luôn thận trọng nghiên cứu kỹ địa chất tại nơi thi công để tránh những rủi ro có thể xảy ra đối với môi trường.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường và không để xảy ra bất kỳ trường hợp vi phạm nào.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương

Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông, Công ty cũng ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng.

Công ty tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư xung quanh địa bàn Công ty hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty cũng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai, và các hoạt động hướng về biển đảo quê hương.



Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
- Số lượng cán bộ công nhân viên lao động: Tổng số lao động đến tháng 12/2019 là 14 người
- Mức lương trung bình: 8.700.000 đồng/người/tháng. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Công tác đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
- Công ty thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp cho người lao động; các chức danh nghề thuộc nhóm nặng nhọc đều được phụ cấp theo quy định; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc..v..v...
- Tuân thủ, thực hiện đầy đủ các qui định, nội qui, qui trình thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) nhất là công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC).
- Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện đo kiểm môi trường lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị. Kết quả, trong năm 2017, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động.
- Hoạt động đào tạo người lao động: Công tác đào tạo huấn luyện luôn là mục tiêu quan trọng của công ty. Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức cho người lao động cập nhật nâng cao kiến thức nghiệp vụ và đảm bảo an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và PCCC.



Điều kiện làm việc

Môi trường làm việc hướng đến sự chuyên nghiệp, dân chủ, ứng xử văn minh, thân thiện và hợp tác; đồng nghiệp là những người giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm và các chuyên gia nước ngoài. Với không gian làm việc thoáng mát rộng rãi tạo sự thoải mái cho cán bộ công nhân viên sau những giờ làm việc căng thẳng. Ban lãnh đạo công ty đã, đang và sẽ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo một môi trường làm việc cởi mở, văn minh và lành mạnh.

Chế độ lao động

Công ty thực hiện chế độ làm việc 48 giờ/tuần; các chế độ làm thêm giờ, nghỉ Lễ, phép, nghỉ khác tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

Nhân viên được cấp đồng phục; phí công tác, điện thoại, nhiên liệu, bữa ăn trưa,... Tùy theo vị trí công việc nhân viên còn được trang bị máy tính xách tay, máy tính bảng, cùng nhiều chế độ khác.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tổng công ty LEC luôn coi trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một vấn đề quan trọng mà công ty quan tâm thực hiện và đảm bảo thực hiện. Trong năm 2019 vừa qua, quá trình kinh doanh, xây dựng vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch, tuy nhiên, không có trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường và không có trường hợp khiếu nại về tiếng ồn, khói bụi hay đời sống sức khỏe, ... trong phạm vi hoạt động.

Ngoài ra, Tổng Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương, các dự án xây dựng của địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống bệnh và dịch bệnh; tổ chức và tham gia các phong trào xanh, sạch, vệ sinh của địa phương; cứu trợ, từ thiện ... đặc biệt trong các vùng hoạt động chính của Tổng Công ty.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo về trách nhiệm với môi trường và xã hội



Đánh giá tình hình chung

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	TH 2019	TH 2019 /2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	527.434	481.893	91,37%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	788	15	1,90%

Doanh thu năm 2019 giảm 8,63% so với năm 2018, chủ yếu là do doanh thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ xây lắp giảm. Bên cạnh đó chi phí lãi vay tăng cao và một số chi phí quản lý trong năm đang ở mức cao như do chi phí trích dự phòng nợ phải thu khó đòi, chi phí phân bổ lợi thế thương mại khi mua bán sáp nhập các công ty, dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2019 giảm mạnh so với năm 2018 và không đạt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Năm 2019 là cũng là năm công ty tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, hoạt động của LEC. Công ty đã kết nối các Phòng ban hỗ trợ trong tập đoàn, tăng cường các công tác kiểm soát từ khâu mua hàng đến quản lý chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong toàn công ty.



Cơ cấu doanh thu

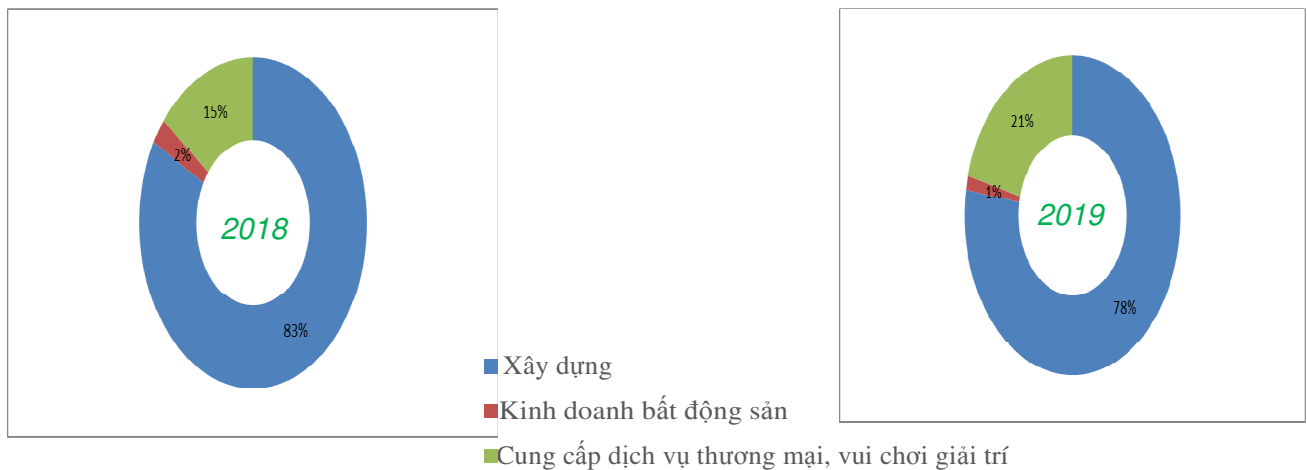
ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Xây dựng	438.438	83,13%	374.008	77,62%
Kinh doanh bất động sản	12.834	2,43%	6.430	1,33%
Dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí	76.162	14,44%	101.455	21,05%
Tổng cộng	527.434	100,00%	481.893	100,00%

Sau khi hợp nhất, hoạt động xây dựng công trình vẫn là mảng kinh doanh lớn nhất của Công ty khi chiếm 83,13% trong cơ cấu doanh thu năm 2018 và 77,62% trong cơ cấu doanh thu năm 2019, tương đương 374 tỷ đồng. Trong khi đó do chưa triển khai dự án mới nên hoạt động kinh doanh bất động sản giảm dần tỷ trọng, năm 2018 chiếm 2,43% tổng doanh thu, năm 2019 chỉ chiếm 1,33% tương đương 6,43 tỷ đồng. Nguồn thu từ mảng dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí vẫn đạt kết quả khá tốt, với giá trị 101,45 tỷ đồng tương đương 21,05% cơ cấu doanh thu. Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ chú trọng hơn vào mảng dịch vụ thương mại và tư vấn giám sát, môi giới nhằm gia tăng nguồn thu cho LEC..

Sau khi thực hiện sáp nhập, góp vốn, hoạt động công trình xây dựng là trở thành mảng kinh doanh quan trọng của LEC. Với lợi thế là các đơn vị có uy tín lâu năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng dân dụng, hiện đang sở hữu những hợp đồng xây dựng có giá trị kinh tế lớn, cùng với kinh nghiệm trong lĩnh vực bất động sản của Công ty mẹ thì chiến lược phát triển của mảng kinh doanh này trong tương lai sẽ rất hữu ích.

Cơ cấu doanh thu thuần



Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2019 khá cao, tương đương năm 2018, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Tại khu vực Đà Nẵng, tình hình kinh tế - xã hội và sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định, tăng trưởng GRDP đạt khá, tăng 6,47% so với năm 2018. Hoạt động dịch vụ du lịch của thành phố phát triển sôi động với nhiều hoạt động thu hút khách du lịch. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, lãi vay ổn định, tỷ giá biến động không đáng kể.
- Hệ thống cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị hỗ trợ của Công ty đa dạng, hiện đại, đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho các công trình cũng như hoạt động quản lý, kinh doanh.
- Trong năm 2019, hoạt động xây lắp hạ tầng trong nước phát triển mạnh mẽ, giá nguyên liệu đầu vào của LEC dù có biến động nhưng với sự cẩn trọng trong việc lựa chọn nhà cung cấp đã giúp cho Công ty chủ động lựa chọn được nguồn cung cấp nguyên liệu đạt chất lượng với giá cả hợp lý, giảm mức dự trữ nguyên liệu, giảm được giá thành.





Khó khăn:

- Xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, thị trường Việt Nam nói chung và tại khu vực hoạt động của LEC nói riêng đang dần phát triển và thu hút nhà đầu tư vào thị trường, tạo nên sự cạnh tranh khốc liệt làm công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp nhiều khó khăn; mặt khác với quy định thắt chặt, giám sát và quản lý môi trường nghiêm ngặt cũng tạo áp lực lên hoạt động quản trị của Công ty.
- Các công tác nghiên cứu, khảo sát, thử nghiệm các công trình, dự án vẫn tốn thời gian, công sức và chi phí trong khi ảnh hưởng từ các biến động trong và ngoài nước hay xu hướng trên thị trường thay đổi rất nhanh.
- Các mảng kinh doanh của Tổng Công ty đã đa dạng hơn trước, với mảng hoạt động xây dựng công trình mới phát sinh nhưng mang lại nguồn thu lớn cho LEC. Vì thế để đảm bảo hoạt động quản trị, chiến lược kinh doanh được đảm bảo, LEC sẽ cần có những nghiên cứu, khảo sát kỹ hơn trước khi thực hiện đầu tư, triển khai dự án.



Công tác điều hành:

- Công tác tổ chức và triển khai chỉ đạo được đẩy mạnh, cập nhật đổi mới và bám sát các mục tiêu đã đặt ra đầu năm. Đánh giá chung về hoạt động điều hành sản xuất được thực hiện khá tốt, Tập thể lãnh đạo và các cán bộ nhân viên trên tinh thần tập trung nội lực, áp dụng một số ý tưởng điều hành sáng tạo, thân thiện, tạo ra các liên kết và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các nhân viên, các đơn vị và toàn công ty.
- Việc lấy kết quả chăm lo đời sống tinh thần và vật chất, vận dụng các chính sách tiền lương hợp lý, khuyến khích lao động chuyên cần và hiệu quả, nâng cao trách nhiệm của cá nhân đối với công ty và cộng đồng. Nhờ vậy, năng suất lao động tại các đơn vị được nâng cao dù áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng tăng cao.
- Với xu hướng hiện đại hóa, Công ty cũng đã nhanh chóng cập nhật các phiên bản điều hành quản lý tự động, cập nhật các công nghệ đồng bộ, phân cấp quản lý để có thể dễ dàng điều hành các hoạt động cũng như giảm bớt thời gian và công sức trong việc kiểm tra định kỳ nhất là khi Công ty đang dần phát triển và có ý định mở rộng hoạt động kinh doanh, sản xuất như hiện tại.



Công tác khoa học kỹ thuật và nghiên cứu phát triển

- Công ty đã đưa vào vận hành nhiều giải pháp công nghệ, nhiều máy móc loại mới; đây là yếu tố then chốt giúp LEC tiếp tục phát triển một cách bền vững trong môi trường hội nhập quốc tế đòi hỏi công nghệ hóa, hiện đại hóa như hiện nay.
- Công tác kỹ thuật, sửa chữa khoa học được vận dụng khá hiệu quả, nhất là khi doanh nghiệp chuyên sử dụng máy móc và thiết bị cho hoạt động xây dựng và khu vui chơi giải trí. Công ty đã hạn chế được tối đa các lỗi thiết bị, hư hỏng máy móc, đồng thời, việc cập nhật, thống kê các hư hỏng và sản phẩm cần thay thế rất nhanh chóng và chủ động hoàn toàn đã giúp quy trình hoạt động kinh doanh được đảm bảo theo đúng kế hoạch.
- Công tác nghiên cứu, khảo sát các sản phẩm mới, thị trường mới cũng được duy trì và mang lại những kết quả có giá trị áp dụng để có thể triển khai trong tương lai.

Công tác quản lý chất lượng

- Liên hệ, phối hợp các phòng chức năng với các Tổ quản lý trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý chất lượng trên cơ sở làm việc nhóm triệt để, xử lý nhanh và dứt điểm các sự cố về chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm tăng và giảm thiểu hàng đổi trả, hư hỏng phải bảo hành. Tuy nhiên, vẫn chú trọng hình thức bên ngoài của sản phẩm để tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào được kiểm tra nghiêm ngặt, phân tích và cải tiến chất lượng sản phẩm thông qua số liệu khảo sát, giám sát sử dụng và bảo quản nguyên vật liệu đã tạo được sự ổn định rất lớn cho khâu gia công bán thành phẩm.
- Công tác bảo hành sản phẩm luôn được quan tâm và cải tiến liên tục tạo ra sự thỏa mãn đối với người tiêu dùng ngày càng cao. Công ty tiếp tục duy trì kênh bảo hành trực tuyến, giám định và trả lời kết quả đến khách hàng một cách nhanh nhất.



Tình hình tài sản

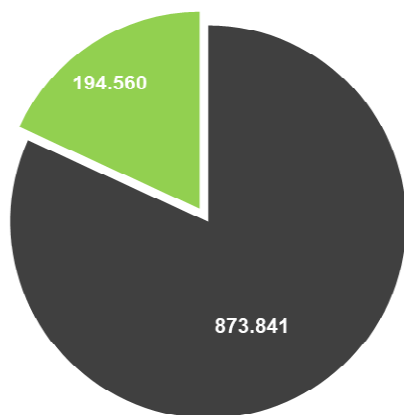
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	873.841	890.590	1,92%
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.805	18.367	169,91%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	607.726	685.747	12,84%
Hàng tồn kho	241.728	176.465	-27,00%
Tài sản ngắn hạn khác	17.582	10.011	-43,06%
Tài sản dài hạn	194.560	187.349	-3,71%
Các khoản phải thu dài hạn	150	150	0,00%
Tài sản cố định	56.083	56.196	0,20%
Bất động sản đầu tư	58.839	58.839	0,00%
Tài sản dở dang dài hạn	18.935	19.941	5,31%
Đầu tư tài chính dài hạn	80	80	0,00%
Tài sản dài hạn khác	60.473	52.143	-13,77%
Tổng tài sản	1.068.401	1.077.939	0,89%



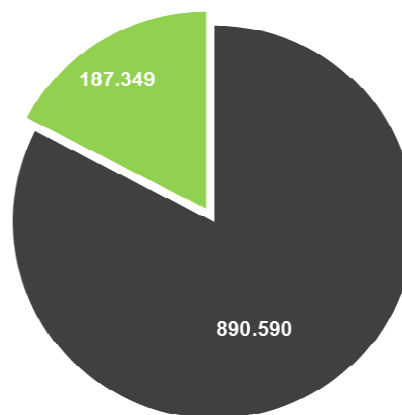
Nhìn chung trong năm qua tình hình tài sản LEC không có biến động đáng kể về tài sản, tổng tài sản tăng nhẹ 0,89% (đạt 1.077,9 tỷ đồng) so với năm 2018. Sự biến động chủ yếu đến từ khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu ngắn hạn cũng đã tăng 12,84% tương đương 78 tỷ đồng so với năm 2018, chủ yếu đến từ khoản trả trước cho người bán ngắn hạn của công ty con – Công ty CP Đầu tư và xây dựng P&P. Ngoài ra, không như sự biến động của tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn năm qua giảm nhẹ 3,71% đạt 187,35 tỷ đồng chủ yếu đến từ việc khấu hao và phân bổ tài sản tăng trong năm.

Năm 2018



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2019



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn



Tình hình nợ phải trả

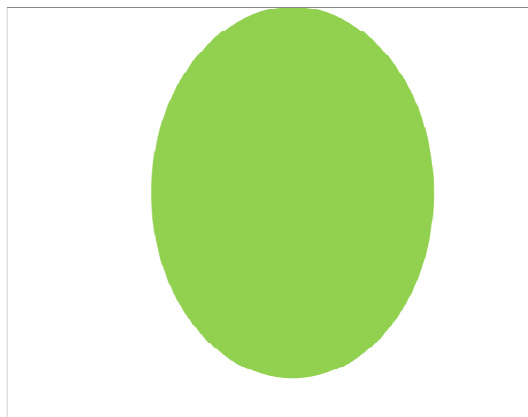
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	724.435	734.319	1,36%
Phải trả người bán ngắn hạn	61.845	63.171	2,14%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	439.872	455.521	3,56%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.198	3.902	21,99%
Phải trả người lao động	522	337	-35,33%
Chi phí phải trả ngắn hạn	23.848	1.406	-94,10%
Phải trả ngắn hạn khác	2.534	6.696	164,30%
Vay ngắn hạn	192.606	203.276	5,54%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10	10	0,00%
Nợ dài hạn	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-
Tổng nợ phải trả	724.435	734.319	1,36%
Vốn chủ sở hữu	343.965	343.620	-0,10%



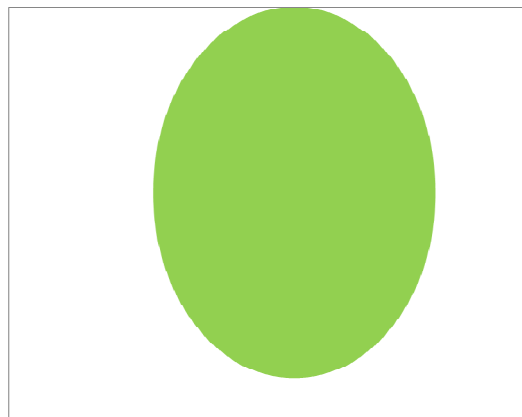
Cơ cấu nợ của LEC năm 2019 cũng chỉ có nợ ngắn hạn, tăng nhẹ 1,36% so với năm 2018, đạt 734,32 tỷ đồng. Sự biến động của nợ ngắn hạn chủ yếu đến khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng hơn 10,67 tỷ đồng đến từ khoản vay tại 2 ngân hàng là Agribank-chi nhánh Tây Đô và ngân hàng Bidv-chi nhánh Hòa Bình, đồng thời khoản mục chi phí phải trả ngắn hạn giảm mạnh 94,1%. Vay ngắn hạn chỉ chiếm 27,68% trong tổng nợ và 18,86% trong tổng tài sản vì vậy có thể thấy sự an toàn trong cơ cấu vốn và sự vững mạnh của LEC trong hoạt động kinh doanh khi nợ vay chiếm tỷ trọng khá thấp trong cơ cấu nợ.

Năm 2018



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Năm 2019



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn





Trong năm 2019 LEC đã tiếp tục triển khai thực hiện quy trình ISO tại công ty đồng thời hoàn thiện và ổn định hoạt động của các phòng ban Kế hoạch và Bộ phận nghiên cứu phát triển, phân chia rõ ràng mục đích, hiệu quả và chức năng của từng bộ phận theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ.





Trong công tác quản lý nguồn nhân lực, lựa chọn những lao động chất lượng cao, thực hiện việc phân công đúng người đúng việc, không có tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tổn hao chi phí quản lý Công ty. Ngoài ra, để tạo động lực cho người lao động tích cực hoạt động sản xuất, cống hiến ngày càng nhiều cho công ty, LEC cũng đặt ra những tiêu chuẩn khen thưởng trong công việc, khen thưởng những cá nhân, tập thể có kết quả lao động xuất sắc, hiệu quả, sáng tạo; thêm vào đó, chú trọng mối quan hệ hợp tác, liên kết, đồng bộ giữa các phòng ban để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan và tạo điều kiện gắn kết các nhân viên với nhau và với Công ty.



Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế xã hội trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2020 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	387.517
<i>Kin doanh bất động sản</i>	<i>2.336</i>
<i>Xây lắp</i>	<i>332.381</i>
<i>Thương mại, dịch vụ</i>	<i>52.800</i>
Lợi nhuận sau thuế	2.455

DOANH THU NĂM 2020

387.517

TRIỆU ĐỒNG



Các biện pháp thực hiện:

- *Về quản lý thực hiện:* tiếp tục phát huy các phương thức truyền thống có hiệu quả là con người, đồng thời vận dụng các công nghệ quản lý, sắp xếp và bố trí lao động. Tăng cường, đề cao giá trị của các cán bộ nhân viên nhất là trong công tác phối hợp hoạt động. Các chương trình và chính sách quản lý vẫn phải luôn cập nhật và thay đổi linh hoạt để có thể phù hợp với lực lượng lao động của Công ty: khuyến khích, hỗ trợ các nhân viên tiêu biểu, làm việc hiệu quả; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng các quy định liên quan trong công việc.
- *Trong quá trình thực hiện kinh doanh:* Nhanh chóng khắc phục các lỗi máy móc, các chi phí chìm, giảm thiểu chi phí cho các công đoạn điều tra và thực hiện không hiệu quả; tăng cường tiết kiệm tất cả các giá trị dư thừa và hư hỏng có thể tránh; linh hoạt sử dụng các công nghệ và máy móc hiện đại giúp giảm thiểu chi phí nhưng vẫn mang lại giá trị cao; đề cao và khuyến khích tính tự giác và trách nhiệm đối với công việc của người lao động.

Các biện pháp thực hiện:

- *Về quản lý tài chính:* Nợ vay chiếm tỷ trọng khá thấp trong cơ cấu nguồn vốn của LEC. Điều này mang đến cho Tổng Công ty một nền tảng tài chính khá ổn định và ít chịu tác động từ biến động lãi suất cũng như áp lực tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Để có được nguồn tài chính lành mạnh, đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai, LEC đưa ra các biện pháp sau:
- Thường xuyên đánh giá, theo dõi các khoản nợ phải thu khách hàng nhằm hạn chế tỷ lệ nợ phải thu khó đòi, nâng cao chất lượng doanh thu của Công ty.
- Xây dựng quy trình quản lý rủi ro, đưa ra những chỉ số nhằm đánh giá rủi ro tài chính trong quá trình hoạt động.
- Các bộ phận nghiệp vụ thường xuyên phân tích, đề xuất các vấn đề tài chính để tham mưu cho Ban Lãnh đạo một cách nhanh chóng, chính xác và toàn diện về thực trạng hoạt động tài chính. Chú trọng thực hiện tốt việc tham mưu, đề xuất những giải pháp hữu hiệu trong từng thời điểm, từng tình hình.



LEC luôn đề cao giá trị con người trong sự phát triển bền vững của Công ty. Nhằm tạo cho người lao động một môi trường làm việc thân thiện, năng động, nơi mà người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình và định hướng sẽ cống hiến toàn tâm toàn ý cho sự phát triển của Công ty, LEC luôn đảm bảo các chế độ và chính sách đối với người lao động; tạo điều kiện thăm khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên; thực hiện đánh giá hàng năm để khen thưởng cho các cá nhân và phòng ban hoạt động tích cực và hiệu quả cũng như khuyến khích toàn bộ lực lượng lao động cống hiến hết mình và đoàn kết nội bộ để tạo ra sự vững bền cho Công ty.



Công ty cũng thường xuyên tổ chức những buổi công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa nhằm đóng góp một phần vào sự phát triển của xã hội, chăm lo đời sống cho những mảnh đời bất hạnh, những người đã có công với đất nước trong các cuộc chiến tranh trên toàn đất nước; thể hiện thái độ tốt và trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương mà công ty đang hoạt động kinh doanh, đặc biệt là khu vực cộng đồng gần nơi hoạt động.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Về Các Mặt Hoạt Động Của Công Ty Về
Hoạt Động Của Ban Tổng Giám Đốc
Các Kế Hoạch, Định Hướng Của HĐQT



Năm 2019, mặc dù hoạt động thương mại thế giới tăng trưởng chậm lại nhưng nền kinh tế trong nước vẫn diễn ra sôi động với những dấu ấn tăng trưởng đáng ghi nhận của kinh tế Việt Nam như: Tốc độ tăng trưởng GDP tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 7,02%; lạm phát được kiểm soát trong giới hạn cho phép: 2,79% (thấp hơn mục tiêu 5% Chính phủ đề ra); ngành xây dựng năm 2019 vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá với tốc độ 9,10% và hoạt động kinh doanh bất động sản năm 2019 được đánh giá là duy trì được sự phát triển ổn định. Đồng thời môi trường kinh doanh trong nước đang dần được cải thiện với chủ trương triển khai quyết liệt các giải pháp ổn định phát triển kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

Ngoài ra năm 2019 là năm Công ty không có nhiều thay đổi trong hoạt động kinh doanh chính. Mạng kinh doanh bán căn hộ đã hoàn tất, hoạt động chính của công ty vẫn là tập trung cho công tác xây dựng công trình và thương mại, chủ yếu ở các công ty con của Công ty. Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 9 cuộc họp định kỳ và bất thường, ban hành 9 Nghị quyết để Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của công ty.

HĐQT công ty đã có những quyết sách kịp thời, linh hoạt giúp Công ty tiếp tục phát triển ổn định và bền vững. Công tác điều hành của HĐQT thực hiện theo đúng qui định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.



Dưới những tác động trên đã tạo nên những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của LEC trong năm vừa qua. Cụ thể Công ty đã đạt được như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH 2019/ TH 2018	TH 2019/ KH 2019
Doanh thu	531.300	566.920	481.938	90,71%	85,01%
LNST	788	13.410	15	1,90%	0,11%

DT
481.938

Doanh thu Tổng Công ty đạt 481,9 tỷ đồng đạt 90,71% so với năm 2018 và đạt 85% kế hoạch đề ra do doanh thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ xây lắp không đạt kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó chi phí lãi vay trong năm cũng tăng mạnh so với năm 2018 và một số chi phí quản lý như chi phí trích dự phòng nợ phải thu khó đòi, chi phí phân bổ lợi thế thương mại khi mua bán sát nhập các công ty vẫn còn khá cao, dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2019 giảm mạnh so với năm 2018 và không đạt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, HĐQT vẫn đánh giá cao những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo Công ty trong năm qua đã cùng nhau tạo nên kết quả trên.



Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện chỉ đạo và giám sát chặt chẽ đối với Ban Giám đốc, nhờ đó làm tăng hiệu quả hoạt động cũng như trách nhiệm làm việc của Ban Giám đốc.

- Hoàn thành báo cáo và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019, Báo cáo thường niên năm 2019, Báo cáo tài chính các Quý năm 2019;
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty vào ngày 26/4/2019;
- Thực hiện quy hoạch và phát triển nhân lực quản lý, xây dựng đội ngũ kế cận thông qua lộ trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên;
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban điều hành tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ban điều hành gồm có Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc cùng với 3 Giám đốc của các Bộ phận đã triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty trong năm qua.

Các hoạt động kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, dịch vụ sân bóng... đều có lợi nhuận đạt và một số hoạt động có kết quả vượt kế hoạch được giao. Chi phí kinh doanh, chi phí đầu tư các dự án được thực hiện tiết kiệm so với kế hoạch, dự toán gói thầu được duyệt, nhờ đó đã tăng lợi nhuận, tăng hiệu quả kinh doanh. Công tác quản lý của Công ty được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và các quy trình, quy chế quản lý của Công ty.



Những mục tiêu, định hướng hoạt động chính trong năm 2020:

- Tập trung vào lĩnh vực xây lắp công trình, triển khai các dự án bất động sản mới như Dự án Khách sạn Ánh Dương Hòa Bình, mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ.
- Tăng cường nguồn lực của công ty để thực hiện các hợp đồng thi công cho các dự án lớn như Dự án Tổ hợp Ánh Dương Đà Nẵng, thi công san nền Dự án Đồi hai đai theo đúng các điều khoản đã cam kết.



Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2020 cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Doanh thu kế hoạch	Triệu đồng	387.517
	- Kinh doanh bất động sản	Triệu đồng	2.336
	- Xây lắp	Triệu đồng	332.381
	- Thương mại, dịch vụ	Triệu đồng	52.800
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.455

Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020:

Dự án Khu phức hợp EVN-Land Đà Nẵng – giai đoạn 2:

Trong bối cảnh dịch Covid-19, thị trường bất động sản sẽ chững lại và sẽ là lĩnh vực đầu tiên chịu ảnh hưởng nặng nề từ sự đi xuống của nền kinh tế và cần thời gian để phục hồi vì vậy để hạn chế rủi ro đầu tư, Công ty sẽ làm thủ tục gia hạn việc kinh doanh Sân bóng đá mini tại khu đất thực hiện dự án Khu phức hợp EVN-Land Đà Nẵng - giai đoạn 2 đến tháng 6 năm 2022.

Các biện pháp hoàn thành kế hoạch:

- **Công tác quản trị**
 - Tiếp tục nâng cao công tác quản trị Công ty theo chuẩn quốc tế, ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại;
 - Nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp;
 - Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT;
 - Tăng cường việc đào tạo quản trị công ty cho các thành viên trong HĐQT, Ban Điều hành và Ban kiểm soát.
- **Về hoạt động kinh doanh:** Ngày càng đa dạng hóa các mảng hoạt động kinh doanh. Ưu tiên cho việc phát triển ngành nghề cốt lõi đã khẳng định được thương hiệu và các mảng kinh doanh mang lại nguồn thu cao.
- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết với các đối tác để tiếp cận thị trường tại khu vực hoạt động và các địa điểm lân cận.
- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.
- **Về đầu tư:** Đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống thiết bị máy móc chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng Công ty.
- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.
- **Về nguồn nhân lực:** Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.



QUẢN TRỊ CÔNG TY





Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm Soát

Các Giao Dịch, Thù Lao Và Các Khoản Lợi Ích



Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ông Nguyễn Khánh Chiến	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-
2	Ông Phạm Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	-	-
3	Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	Thành viên HĐQT	-	-
4	Ông Lê Hoài Nam	Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ ngày 05/04/2019)	-	-
5	Ông Phạm Đức Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
6	Ông Nguyễn Trung Thực	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 26/04/2019)	-	-

Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khánh Chiến - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Đã trình bày ở mục II

Ông Phạm Ngọc Bình – Thành viên HĐQT

Năm sinh	30/07/1968
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Khoan Thăm Dò
Quá trình công tác	
1985-2005	Cán bộ tại Đoàn khảo sát Bộ cơ khí luyện kim, sau sát nhập là Xí nghiệp Khảo sát thuộc Công ty Tư vấn Đầu tư và Phát triển Bộ Công Nghiệp
2005-2008	Trưởng phòng Thi công thuộc Viện Công nghệ Khoan, trực thuộc Hội Khoan Khai Thác Việt Nam
2008-2017	PGĐ Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng P&P
2013-2017	GĐ Công ty TNHH An Thịnh Quế Sơn Thành viên HĐQT Công ty TNHH An Thịnh Quế Sơn
2016-nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực miền Trung
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0



Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Thành viên HĐQT

Năm sinh	01/09/1967
Nơi sinh	Vĩnh Phúc
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
1989-2001	Học tập và làm việc tại Maxcova
2002-2004	Về nước theo học Quản trị Kinh doanh, Quản lý Tài chính tại trường Đại học Kinh tế Quốc Dân
2006-2009	Trưởng phòng Tài chính kế toán tại Công ty cổ phần bất động sản An Thịnh Hoà Bình
2009-nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính Công ty cổ phần bất động sản An Thịnh Hoà Bình
2009-2016	Giám đốc tài chính công ty TNHH An Thịnh Quảng Nam
2013-nay	Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Nhân hoà Phương Liễu
2014-nay	Giám đốc tài chính CTCP đầu tư và phát triển hạ tầng An Việt
2015-nay	Thành viên HĐQT kiêm TGD CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng PPC An Thịnh Việt Nam
2016-nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần bất động sản điện lực miền trung
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0



Ông Lê Hoài Nam– Thành viên HĐQT	
Năm sinh	28/01/1981
Nơi sinh	Phú Thọ
Trình độ chuyên môn	Đại học, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	
2002-2006	Học tại JameCook University (Singapore), chuyên ngành Thương mại quốc tế
2007-2008	Phó giám đốc điều hành Khu Công nghiệp Lương Sơn
2008 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và khoáng sản Tây Bắc
2010-2012	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây lắp và ứng dụng công nghệ môi trường Đông Dương thành phố Hồ Chí Minh
2014-nay	PTGD Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Hạ tầng An Việt TGD Công ty cổ phần An Việt Hoà Bình PTGD Công ty cổ phần Quốc tế Nam Hội An
2016-nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực miền Trung
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0



Ông Phạm Đức Hạnh - Thành viên HĐQT

Năm sinh	18/11/1986
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân điện tử viễn thông
Quá trình công tác	
2005 - 2010	Học chuyên ngành điện tử viễn thông, Đại học Bách Khoa Hà Nội
2010 - 2011	Công ty CMS, thành viên tập đoàn CMC, Phòng kỹ thuật, trung tâm dịch vụ 59
2011 - 2014	Mạng viễn thông Gmobile, trưởng ban giám sát, DSS phòng IP-PBX
2014 - Nay	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng PPC An Thịnh Việt Nam, Ban kế hoạch và phát triển dự án.
04/2017 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0

Ông Nguyễn Trung Thực – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	09/07/1977
Nơi sinh	Phú Thọ
Trình độ chuyên môn	Đại học, chuyên ngành Quan hệ quốc tế
Quá trình công tác	
2001-2004	Làm việc tại Công ty CP thức ăn chăn nuôi PHAVICO
2004-2006	Làm tự do
2006-2008	Làm việc tại Công ty CP trang trí đá Vĩnh Cửu
2009-2012	Làm việc tại các Công ty sau: Trường Thành, T và T, Công ty CP sông đáy hồng hà dầu khí
2012-2015	Làm tự do
2015-nay	Làm việc tại Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại An Thịnh Quế Sơn
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0

Các buổi họp của Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Khánh Chiến	Chủ tịch HĐQT	Bắt đầu: 16/11/2016	9/9	100%	
2	Phạm Ngọc Bình	Thành viên	Bắt đầu: 16/11/2016	9/9	100%	
3	Nguyễn Thị Minh Phượng	Thành viên	Bắt đầu: 16/11/2016	9/9	100%	
4	Lê Hoài Nam	Thành viên	Bắt đầu: 16/11/2016 Kết thúc: 05/04/2019	2/9	100%	Từ nhiệm
5	Phạm Đức Hạnh	Thành viên	Bắt đầu: 28/03/2017	9/9	100%	
6	Nguyễn Trung Thực	Thành viên	Bắt đầu: 26/04/2019	7/9	100%	Bổ nhiệm



Các Nghị quyết/Quyết định

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
01	11/2019/NQ-LEC-HĐQTCT	26/02/2019	Thông qua việc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Phúc Tiến cho Bà Nguyễn Thị Minh Phượng vay vốn ngắn hạn
02	15/2019/NQ-LEC-HĐQTCT	05/03/2019	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
03	51A/2019/NQ-LEC-HĐQT	03/05/2019	Thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất Lô 29-Khu B2.33 tại Tân Trà, Hòa Hải, TP Đà Nẵng
04	60/2019/NQ-LEC-HĐQT	03/06/2019	Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty
05	68/2019/NQ-LEC-HĐQT	15/07/2019	Thông qua việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
06	79A/2019/NQ-LEC-HĐQT	05/08/2019	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 – 2020 của Công ty CP Vui chơi Thể hệ mới
07	87/2019/NQ-LEC-HĐQT	29/08/2019	Thông qua việc chuyển nhượng căn hộ Harmony số 14.07, 16.01 và 16.07
08	99/2019/NQ-LEC-HĐQTCT	25/11/2019	Thông qua việc Công ty CP Đầu tư Xây dựng P&P cho Bà Nguyễn Thị Minh Phượng vay vốn ngắn hạn
09	102/2019/NQ-LEC-HĐQT	10/12/2019	Thông qua việc phương án chi trả cổ tức bằng tiền năm 2018 của Công ty CP Đầu tư Xây dựng P&P



Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.



Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Hoàng Thị Thu Trang	Trưởng Ban	-	-
2	Trịnh Thị Thu Thương	Thành viên	-	-
3	Đào Ngọc Long	Thành viên	-	-

Lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Trang – Trưởng BKS	
Năm sinh	28/01/1980
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
2003-2005	Công ty cổ phần Giao thông vận tải
2007-2013	Kế toán Công ty cổ phần Bất động sản An Thịnh Hoà Bình
2014-nay	+ Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng An Việt + Kế toán trưởng Công ty cổ phần golf An Việt Hoà Bình + Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Nhân Hoà.
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0



Bà Trịnh Thị Thu Hương– Thành viên BKS

Năm sinh	16/08/1983
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
2006	Kế toán Công ty cổ phần Bất động sản An Thịnh Hoà Bình
2014	Kế toán Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển đô thị và KCN Nhân Hòa
2015	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương mại Mẫu Hùng
2016-nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bất động sản Điện Lực Miền Trung
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0

Ông Đào Ngọc Long– Thành viên BKS

Năm sinh	05/04/1983
Nơi sinh	Hải Dương
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	
2006-2016	Kế toán viên tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 – Licogi 18
2016-2017	Phó phòng TCKT tại Công ty cổ phần Bất động sản Đông Đô - BQP
2017-nay	Phó phòng TCKT tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng PPC An Thịnh Việt Nam Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Vui chơi Thế hệ mới
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0



Các buổi họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Thị Thu Trang	Trưởng ban	Bắt đầu: 16/11/2016	2/2	100%	
2	Trịnh Thị Thu Thương	Thành viên	Bắt đầu: 16/11/2016	2/2	100%	
3	Đào Ngọc Long	Thành viên	Bắt đầu: 26/04/2019	2/2	100%	

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện.
- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Kiểm soát việc xây dựng phương án và phân phối lợi nhuận năm 2019.
- Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.

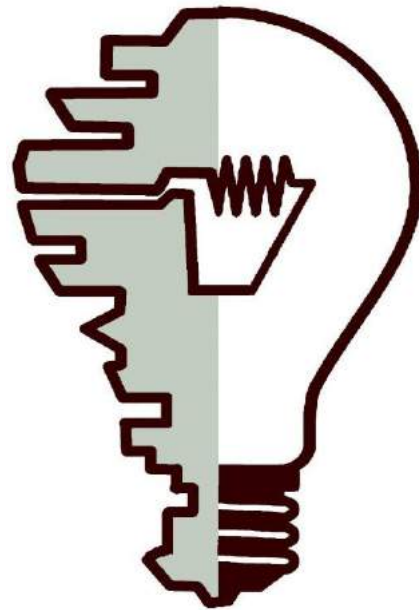


Đánh giá của Ban kiểm soát

Năm 2019 tiếp tục là một năm kinh doanh ổn định của Công ty sau khi kiện toàn bộ máy nhân sự của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động công ty ổn định và đạt được một số kết quả tích cực, có biện pháp thu hồi công nợ, kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào để giảm giá thành sản phẩm. Thực hiện công bố thông tin theo đúng qui định.

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập AVA trình Đại hội;



EVALUATE



Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị				
Ông Nguyễn Khánh Chiến	Chủ tịch HĐQT	10.000.000		
Ông Phạm Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	5.000.000		
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	Thành viên HĐQT	5.000.000		
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên HĐQT	5.000.000		
Ông Phạm Đức Hạnh	Thành viên HĐQT	5.000.000		
Ông Nguyễn Trung Thực	Thành viên HĐQT	5.000.000		
Ban kiểm soát				
Bà Hoàng Thị Thu Trang	Trưởng BKS	5.000.000		
Bà Trịnh Thị Thu Thương	Thành viên BKS	3.000.000		
Ông Đào Ngọc Long	Thành viên BKS	3.000.000		
Ban điều hành				
Ông Nguyễn Khánh Chiến	Tổng Giám đốc		50.000.000	
Ông Hoàng Trọng Thành	Phó Tổng Giám đốc		30.000.000	
Bà Phạm Thị Nghi Xuân	Phó Tổng Giám đốc		21.000.000	
Ông Trần Minh Tuấn	Kế toán trưởng		17.200.000	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có



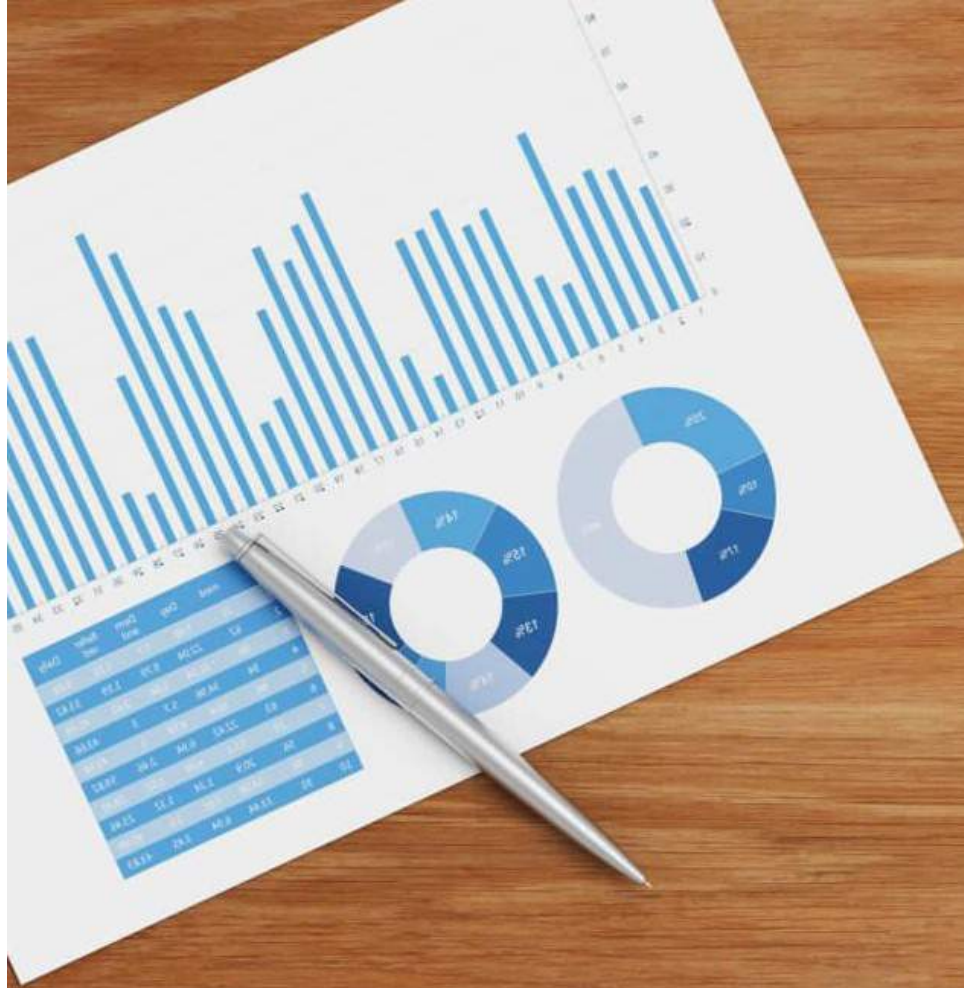
Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm, nội dung giao dịch
1	CTCP PPC An Thịnh Đà Nẵng	Người nội bộ là Chủ tịch HĐQT công ty	Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần Vui chơi Thế Hệ Mới	Trong kỳ có phát sinh các giao dịch: Cung cấp thiết bị, nội thất
2	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng PPC An Thịnh Việt Nam	Người nội bộ là Chủ tịch HĐQT công ty	Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng P&P	Trong kỳ có phát sinh các giao dịch về: Xây lắp
3	CTCP PPC An Thịnh Đà Nẵng	Người nội bộ là Chủ tịch HĐQT công ty	Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng P&P	Trong năm có phát sinh các giao dịch về: Xây lắp, mua căn hộ
4	CTCP PPC An Thịnh Đà Nẵng	Người nội bộ là Chủ tịch HĐQT công ty	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Phúc Tiến	Trong kỳ có phát sinh các giao dịch: Cung cấp nội thất

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm Công ty đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định về quản trị Công ty.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẮT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Lô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc,
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung được thành lập ngày 29/11/2007 bởi 4 cổ đông sáng lập là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực miền Trung, Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng và Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hoà. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203001727 ngày 06/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400592801 ngày 15/07/2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Kháng Chiến	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên (từ nhiệm từ ngày 05/04/2019)
Ông Nguyễn Trung Thực	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 26/04/2019)
Ông Phạm Đức Hạnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Kháng Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Thành	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 01/03/2020)
Bà Phạm Thị Nghi Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Tuấn	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Trịnh Thị Thu Thương	Thành viên
Ông Đào Ngọc Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Lô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc,
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khánh Chiến





Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 350 /BCKT-TC/AVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung, được lập ngày 09/03/2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về số dư tiền mặt của công ty con, khoản cho vay và một số khoản trả trước cho người bán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 vào ngày 31/08/2018 và ý kiến ngoại trừ về số dư tiền mặt đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vào ngày 28/03/2019.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Ngô Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
0448-2018-126-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Đỗ Thị Duyên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
3642-2016-126-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		890.590.357.377	873.841.068.485
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.367.487.265	6.805.096.568
1. Tiền	111		18.367.487.265	6.805.096.568
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		685.746.902.018	607.725.907.687
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	65.171.399.453	59.401.349.132
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	599.278.491.464	503.601.641.149
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10.000.000.000	37.200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	17.740.011.101	12.059.017.406
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6.443.000.000)	(4.536.100.000)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	176.465.327.139	241.727.711.354
1. Hàng tồn kho	141		176.465.327.139	241.727.711.354
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.010.640.955	17.582.352.876
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	28.955.125	530.340.804
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.761.819.262	15.710.304.727
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.219.866.568	1.341.707.345
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.349.006.134	194.559.587.636
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.000.000	150.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	150.000.000	150.000.000
II. Tài sản cố định	220		56.196.372.053	56.082.526.132
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22.208.149.188	21.408.500.279
- Nguyên giá	222		47.749.556.514	42.345.929.241
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(25.541.407.326)	(20.937.428.962)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	33.988.222.865	34.674.025.853
- Nguyên giá	228		35.829.262.163	35.829.262.163
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.841.039.298)	(1.155.236.310)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	58.838.521.600	58.838.521.600
- Nguyên giá	231		58.838.521.600	58.838.521.600
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	19.940.866.307	18.935.561.907
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.940.866.307	18.935.561.907
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	80.000.000	80.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		80.000.000	80.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		52.143.246.174	60.472.977.997
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.288.277.115	2.321.195.794
2. Lợi thế thương mại	269	V.13	50.854.969.059	58.151.782.203
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.077.939.363.511	1.068.400.656.121



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		734.319.227.125	724.435.327.662
I. Nợ ngắn hạn	310		734.319.227.125	724.435.327.662
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	63.170.834.904	61.844.799.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	455.520.615.958	439.871.852.064
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3.901.606.332	3.198.243.571
4. Phải trả người lao động	314		337.447.799	521.808.990
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.406.037.467	23.848.642.439
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	6.696.405.515	2.533.633.746
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	203.276.243.732	192.606.312.388
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.035.418	10.035.418
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		343.620.136.386	343.965.328.459
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	343.620.136.386	343.965.328.459
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		261.000.000.000	261.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		261.000.000.000	261.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.184.000.000	1.184.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.295.154.812	50.873.139.839
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50.873.139.839	50.197.953.184
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(577.985.027)	675.186.655
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		31.140.981.574	30.908.188.620
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.077.939.363.511	1.068.400.656.121

Người lập biểu



Trần Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trần Minh Tuấn

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kháng Chiến



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	481.893.460.781	527.434.103.348
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		481.893.460.781	527.434.103.348
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	434.409.739.874	479.964.093.895
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		47.483.720.907	47.470.009.453
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.497.802	3.856.214.215
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.133.352.537	12.495.188.325
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.099.954.799	12.424.047.790
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	403.500.000	460.737.500
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	24.722.635.984	32.454.006.825
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		5.242.730.188	5.916.291.018
10. Thu nhập khác	31	VI.6	26.064.244	582.508
11. Chi phí khác	32	VI.7	277.937.466	67.248.717
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(251.873.222)	(66.666.209)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.990.856.966	5.849.624.809
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.976.049.039	5.061.798.765
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		14.807.927	787.826.044
16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(577.985.027)	675.186.655
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		592.792.954	112.639.389
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	(22)	26
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		(22)	26

Người lập biểu



Trần Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trần Minh Tuấn

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc




Nguyễn Kháng Chiến



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.990.856.966	5.849.624.809
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.832.710.647	11.885.177.835
- Các khoản dự phòng	03		1.906.900.000	4.536.100.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.425.377)	(3.762.083.023)
- Chi phí lãi vay	06		17.099.954.799	12.424.047.790
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.811.997.035	30.932.867.411
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(96.376.100.245)	(35.627.741.866)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		65.262.384.215	(136.414.517.750)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		908.395.381	(30.210.154.883)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.534.304.358	1.950.294.836
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.875.954.441)	(12.194.893.310)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.345.889.837)	(3.163.284.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.080.863.534)	(184.727.430.358)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.085.445.455)	(1.143.852.816)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		156.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(12.200.000.000)	(74.080.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.400.000.000	70.800.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		15.495.582	115.733.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.286.050.127	(4.308.119.237)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		312.676.162.074	382.482.722.529
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(302.006.230.730)	(244.028.327.684)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(312.727.240)	(4.860.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.357.204.104	138.449.534.045
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		11.562.390.697	(50.586.015.550)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.805.096.568	57.391.112.118
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		18.367.487.265	6.805.096.568

Người lập biểu

Trần Minh Tuấn

Kế toán trưởng

Trần Minh Tuấn

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc

Nguyễn Kháng Chiến



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung được thành lập ngày 29/11/2007 bởi 4 cổ đông sáng lập là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực miền Trung, Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng và Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hoà. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203001727 ngày 06/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400592801 ngày 15/07/2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là 261.000.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất và Kinh doanh thương mại, Kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Kinh doanh bất động sản; Đầu tư tạo lập nhà, mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;

Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;

Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất có hạ tầng;

Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;

Đầu tư và kinh doanh trung tâm thương mại, siêu thị;

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;

Dịch vụ bất động sản; Môi giới, định giá, dịch vụ sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản;

Tư vấn lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp trên quy mô vừa và nhỏ;

Tư vấn lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế kết cấu công trình năng lượng quản lý dự án, giám sát thi công và xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp;

Đầu tư, xây dựng và tư vấn công trình điện;

Kinh doanh lĩnh vực nội địa và Quốc tế;

Sân bóng đá mini;

Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.



5. Cấu trúc doanh nghiệp

5.1. Tổng số các công ty con

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04 công ty
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: Không

5.2. Danh sách các công con được hợp nhất

Công ty con cấp 1			
Tên công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ - Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Vui chơi Thể Hệ Mới	99%	99%	Hà Nội - Kinh doanh thương mại, dịch vụ; giáo dục; hoạt động vui chơi giải trí.
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Phúc Tiến	85%	85%	Hòa Bình - Xây dựng nhà các loại; lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng P&P	96%	96%	Hà Nội - Kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.
Công ty con cấp 2			
Công ty con của Công ty CP Vui chơi Thể Hệ Mới	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty	Địa chỉ - Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Ánh Dương Hòa Bình	76%	75,24%	Hòa Bình - Kinh doanh bất động sản; xây dựng; dịch vụ; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 05 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BĐSDT cho thuê hoạt động được trích khấu hao và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê). Công ty dựa vào các bất động sản chủ sở hữu sử dụng cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao của BĐSĐT.

BĐSDT nắm giữ chờ tăng giá Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

6. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.



Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả (thuê tài chính)

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẮT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Lô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc,
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.



Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.



19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

19.1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

19.2. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

19.3. Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

19.4. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: VND	
		31/12/2019	01/01/2019
1. Tiền			
Tiền mặt tại quỹ		896.064.497	1.399.792.530
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		17.471.422.768	5.405.304.038
		18.367.487.265	6.805.096.568
2. Các khoản đầu tư tài chính			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31/12/2019	01/01/2019
		Giá gốc	Giá gốc
		Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
Dài hạn			
Trái phiếu	80.000.000	80.000.000	80.000.000
Cộng	80.000.000	80.000.000	80.000.000
3. Phải thu của khách hàng		31/12/2019	01/01/2019
Phải thu của khách hàng			
Công ty Cổ phần An Thịnh Quảng Nam		2.166.413.465	18.342.579.289
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Công Vĩnh Phúc		99.880.000	17.336.464.043
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mẫu Hùng		4.867.416.125	3.393.791.283
Công ty TNHH Thương mại và sửa chữa Hòa Bình		29.603.608.734	-
Công ty cổ phần SXVL Xây dựng Hồng Kỳ		6.827.648.013	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại An Thịnh Quế Sơn		-	Công ty
Khách hàng khác		3.208.962.358	3.201.744.934
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan			
Công ty cổ phần PPC An Thịnh Đà Nẵng		990.400.000	11.972.601.843
Công ty cổ phần Bất động sản An Thịnh Hòa Bình		-	1.978.229.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng PPC An Thịnh VN		17.002.447.758	1.711.892.740
Công ty Cổ phần Quốc tế Nam Hội An		-	1.059.423.000
Công ty Cổ phần An Việt Hòa Bình		404.623.000	404.623.000
		65.171.399.453	59.401.349.132
4. Trả trước cho người bán		31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn			
Trả trước cho người bán			
Công ty TNHH Thương mại và Sửa chữa Hòa Bình (i)		87.962.624.688	121.950.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mẫu Hùng (ii)		74.565.790.274	59.966.400.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại An Thịnh Quế Sơn (iii)		107.569.099.483	27.062.564.507
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Công Vĩnh Phúc		-	25.000.000.000
Công ty Cổ phần An Thịnh Quảng Nam		19.033.548.088	19.595.946.512



CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Lô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc,
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Công ty Cổ phần Tổ hợp Sado	18.557.442.460	18.391.699.858
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Proton Việt Nam	-	13.637.827.634
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Việt Á	5.298.158.608	8.262.909.350
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Tân Đạt	-	6.660.000.000
Công ty cổ phần Xây dựng Hồng Trí Việt	31.644.470.700	-
Eastmate Hotel Furniture Co., Ltd	12.043.517.904	-
Công ty cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Hồng Kỳ	23.628.175.770	-
Công ty Cổ phần An Vinh	4.066.601.333	-
Người bán khác	53.559.062.156	57.574.293.288
Trả trước cho người bán là các bên liên quan		
Công ty cổ phần PPC An Thịnh Đà Nẵng (iii)	161.200.000.000	145.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng PPC An Thịnh Việt N:	150.000.000	-
	599.278.491.464	503.601.641.149

- (i) Khoản trả trước của Công ty con - Công ty TNHH ĐT và PT Hạ tầng Phúc Tiến cho Công ty TNHH Thương mại và Sửa chữa Hòa Bình liên quan đến các hợp đồng cung cấp thiết bị, nội thất thuộc tổ hợp dự án Ánh Dương Soleil Đà Nẵng. Các hợp đồng trên đang được thực hiện.
- (ii) Khoản trả trước của Công ty con - Công ty CP Vui chơi Thể Hệ Mới là 9,6 tỷ, Công ty CP Đầu tư Xây dựng P&P là 64,8 tỷ (01/01/2019: 50,3 tỷ) cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mẫu Hùng liên quan đến các hợp đồng cung cấp cửa gỗ và cây cảnh thuộc tổ hợp dự án Ánh Dương Soleil Đà Nẵng.
- (iii) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại An Thịnh Quế Sơn, trong đó thực hiện các dự án thi công Hoàn thiện nội thất tầng 8-12 tòa D của Ánh Dương Soleil Đà Nẵng, San nền mở rộng, thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải KCN đồng Quế Sơn.
- (iv) Khoản trả trước của Công ty con - Công ty CP Đầu tư Xây dựng P&P, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Ánh Dương Hòa Bình liên quan đến các hợp đồng mua căn hộ thuộc tổ hợp dự án Ánh Dương Soleil Đà Nẵng, do Công ty cổ phần PPC An Thịnh Đà Nẵng làm chủ đầu tư. Hiện dự án chưa hoàn thành.

5. Phải thu về cho vay	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Dịch vụ và TM An Thịnh Quế Sơn	-	-	29.800.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sửa chữa Hòa Bình	-	-	2.500.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Anh	-	-	4.900.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng (*)	10.000.000.000	-	-	-
Cộng	10.000.000.000	-	37.200.000.000	-

- (*) Khoản cho vay của Công ty con - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Phúc Tiến đối với bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Chủ tịch HĐQT (thành viên HĐQT Công ty). Khoản cho vay này có kỳ hạn là 12 tháng, không có tài sản đảm bảo, lãi suất là 6,5%/năm và không hưởng lãi suất nếu yêu cầu hoàn trả trước thời hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Lô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc,
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6. Phải thu khác	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng cho Tổng G. đốc	-	-	318.700.000	-
Tạm ứng cho nhân viên (i)	7.376.009.688	-	1.473.645.025	-
Tạm ứng cho ông Phạm Thành Thái Lĩnh (ii)	6.443.000.000	4.536.000.000	6.463.000.000	4.536.000.000
Ký cược, ký quỹ	3.806.412.885	-	-	-
Lãi dự thu	-	-	3.646.349.444	-
Phải thu khác	111.528.139	-	157.322.937	-
BHXH phải trả	2.521.189	-	-	-
BHYT phải trả	404.200	-	-	-
BHTN phải trả	135.000	-	-	-
	17.740.011.101	4.536.000.000	12.059.017.406	4.536.000.000
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	150.000.000	-	150.000.000	-
	150.000.000	-	150.000.000	-

- (i) Trong đó có khoản tạm ứng tại Công ty con - Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng P&P theo Nghị quyết của HĐQT cho bà Nguyễn Thị Hương (Cổ đông) liên quan đến tìm kiếm nhà thầu thi công hạng mục điện nhẹ nhà D, tổ hợp Dự án Ánh Dương Soleil là 6,9 tỷ đồng.
- (ii) Khoản tạm ứng cho cựu thành viên HĐQT (đến ngày 15/11/2016), đã trích lập dự phòng 6.443 triệu đồng.

7. Hàng tồn kho	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	525.778.099	-	525.778.095	-
Công cụ, dụng cụ	8.504.140	-	11.644.140	-
Chi phí SXKD dở dang	168.108.483.865	-	233.838.360.807	-
Hàng hóa	7.822.561.035	-	7.351.928.312	-
	176.465.327.139	-	241.727.711.354	-

8. Chi phí trả trước	31/12/2019		01/01/2019	
Ngắn hạn				
Công cụ dụng cụ			19.699.242	-
Chi phí sửa chữa tài sản, chi phí khác			9.255.883	530.340.804
			28.955.125	530.340.804
Dài hạn				
Công cụ dụng cụ			56.806.878	109.825.192
Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác			1.231.470.237	2.211.370.602
			1.288.277.115	2.321.195.794



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Lô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc,
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, vận tải, truyền thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2019	7.189.064.921	22.646.085.175	7.890.256.688	2.834.377.006	1.786.145.451	42.345.929.241
Mua trong kỳ	-	6.054.545.455	-	30.900.000	-	6.085.445.455
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(681.818.182)	-	-	(681.818.182)
Số dư 31/12/2019	7.189.064.921	28.700.630.630	7.208.438.506	2.865.277.006	1.786.145.451	47.749.556.514
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2019	2.662.879.473	9.861.645.731	4.872.328.994	1.916.174.698	1.624.400.066	20.937.428.962
Khấu hao trong kỳ	341.599.850	3.502.438.928	653.048.181	488.075.315	161.745.385	5.146.907.659
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(542.929.295)	-	-	(542.929.295)
Số dư 31/12/2019	3.004.479.323	13.364.084.659	4.982.447.880	2.404.250.013	1.786.145.451	25.541.407.326
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2019	4.526.185.448	12.784.439.444	3.017.927.694	918.202.308	161.745.385	21.408.500.279
Tại ngày 31/12/2019	4.184.585.598	15.336.545.971	2.225.990.626	461.026.993	-	22.208.149.188

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.070.195.284

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền thuê đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2019	1.412.581.000	34.290.149.333	126.531.830	35.829.262.163
Số dư 31/12/2019	1.412.581.000	34.290.149.333	126.531.830	35.829.262.163
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/2019	-	1.028.704.480	126.531.830	1.155.236.310
Khấu hao trong kỳ	-	685.802.988	-	685.802.988
Số dư 31/12/2019	-	1.714.507.468	126.531.830	1.841.039.298
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	1.412.581.000	33.261.444.853	-	34.674.025.853
Tại ngày 31/12/2019	1.412.581.000	32.575.641.865	-	33.988.222.865

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 126.531.830



11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là Quyền sử dụng đất có nguyên giá 58.838 triệu đồng, tại địa chỉ Lô A5, Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG940544 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/09/2011 và cấp đổi thành Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT878091 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/04/2014. Quyền sử dụng đất tại lô đất này được định giá trên cơ sở của Chứng thư thẩm định giá do Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt phát hành ngày 12/11/2008 và Quyết định số 736/QĐ-EVN ngày 24/12/2008 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam để góp vốn vào Công ty. Bất động sản này được dự định để thực hiện triển khai dự án Harmony Tower giai đoạn 2.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Tại ngày 31/12/2019 Quyền sử dụng đất này được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của công ty con của Công ty.

12. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2019	01/01/2019
Dự án Khách sạn An Thịnh Hòa Bình	19.940.866.307	18.935.561.907
	<u>19.940.866.307</u>	<u>18.935.561.907</u>

13. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Số dư 01/01/2019	72.968.131.413
Số dư 31/12/2019	<u>72.968.131.413</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư 01/01/2019	14.816.349.210
Số phân bổ trong kỳ	7.296.813.144
Số dư 31/12/2019	<u>22.113.162.354</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2019	58.151.782.203
Tại ngày 31/12/2019	<u>50.854.969.059</u>



14. Phải trả người bán	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Vĩnh Châu	179.749.995	179.749.995	16.279.749.995	16.279.749.995
Công ty TNHH KONE Việt Nam	-	-	13.987.635.220	13.987.635.220
Công ty CP xây dựng và chuyên giao công nghệ VN	19.741.910.590	19.741.910.590	13.441.504.528	13.441.504.528
Công ty CP kỹ thuật Sigma	21.946.943.569	21.946.943.569	5.160.287.469	5.160.287.469
Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	5.319.386.210	5.319.386.210	685.953.647	685.953.647
Khách hàng khác	15.982.844.540	15.982.844.540	12.289.668.187	12.289.668.187
	63.170.834.904	63.170.834.904	61.844.799.046	61.844.799.046

15. Người mua trả tiền trước	31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn		
Công ty cổ phần An Thịnh Quảng Nam	13.756.075.502	49.400.000.000
Công ty TNHH Thương mại Mậu Hùng	14.643.822.358	15.000.000.000
Công ty TNHH Thành Công	15.287.007.017	-
Công ty TNHH Thương mại và sửa chữa Hòa Bình	-	1.599.912.761
Khách hàng khác	2.954.971.517	302.327.880
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
Công ty cổ phần PPC An Thịnh Đà Nẵng		338.024.436.660
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng PPC An Thịnh VN	408.878.739.564	35.545.174.763
	455.520.615.958	439.871.852.064

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

16.1. Phải nộp	31/12/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2019
Thuế GTGT phải nộp	541.473.993	18.087.612.055	17.720.008.548	173.870.486
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.237.322.382	4.237.322.382	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.331.412.576	4.843.716.439	4.345.889.393	2.833.585.530
Thuế thu nhập cá nhân	12.073.363	405.524.838	567.592.630	174.141.155
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	155.135.155	155.135.155	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	16.646.400	192.001.370	192.001.370	16.646.400
	3.901.606.332	27.921.312.239	27.217.949.478	3.198.243.571



CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Lô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc,
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16.2. Phải thu

	31/12/2019	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	01/01/2019
Thuế GTGT phải nộp	10.491.379	10.491.379	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.209.375.189	444	132.332.600	1.341.707.345
	1.219.866.568	10.491.823	132.332.600	1.341.707.345

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	279.910.408	247.862.109
Tiền thuê đất, thuê nhà	363.300.000	-
Chi phí dịch vụ xây lắp phải trả	682.827.059	23.242.082.997
Chi phí phải trả khác	80.000.000	358.697.333
	1.406.037.467	23.848.642.439

18. Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn		
Các khoản phải trả khác		
Phải trả phải nộp khác	346.059.800	292.717.591
Cổ tức phải trả	1.933.914.471	1.886.641.711
Quỹ bảo trì (*)	436.431.244	354.274.444
Mượn tiền	3.980.000.000	-
	6.696.405.515	2.533.633.746

(*) Số tiền liên quan đến phí bảo trì bằng 2% trên giá trị căn hộ thu được từ các khách hàng mua nhà tại Khu căn hộ Harmony. Phần phí bảo trì này đã được Hội nghị nhà chung cư Harmony Tower lần 2 thông qua để lại cho Công ty quản lý.

19. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2019	Tăng	Giảm	01/01/2019
Vay ngân hàng	195.896.243.732	308.296.162.074	302.006.230.730	189.606.312.388
NH NN và PT Nông thôn - CN Tây Đô (i)	45.923.262.256	114.785.829.607	108.479.474.113	39.616.906.762
NH ĐT và PT Việt Nam - CN Hòa Bình (ii)	149.972.981.476	193.510.332.467	193.526.756.617	149.989.405.626



Vay tổ chức, cá nhân	7.380.000.000	4.380.000.000	-	3.000.000.000
Ban quản trị tòa nhà Harmony (iii)	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Ông Lê Hoài Nam (iv)	4.380.000.000	4.380.000.000	-	-
	203.276.243.732	312.676.162.074	302.006.230.730	192.606.312.388

	31/12/2019	01/01/2019
Số có khả năng trả nợ	203.276.243.732	192.606.312.388

Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại 31/12/2019

- (i) Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-201800736 ngày 07/09/2018 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ/TĐ-THM ngày 08/03/2019. Thời hạn hiệu lực hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 5 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng. Lãi suất được quy định tại thời điểm nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng cổ phiếu tại Công ty của một số cá nhân.
- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2964271/HĐTD ngày 08/02/2018; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/2964271/HĐTD ngày 10/04/2019; Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/03/2020. Thời hạn cho vay, lãi suất xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hạn mức tín dụng là 230 tỷ đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ là 58,839 tỷ đồng.
- (iii) Khoản vay Quỹ bảo trì tòa nhà có thời hạn 12 tháng, chịu lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay có thời hạn hoàn trả 12 tháng, chịu lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo.

20. Vốn chủ sở hữu

20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST thuế chưa PP và các quỹ	Lợi ích CD không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2018	261.000.000.000	1.184.000.000	50.197.953.184	31.107.549.231	343.489.502.415
Lãi trong kỳ			675.186.655	112.639.389	787.826.044
Chia cổ tức				(312.000.000)	(312.000.000)
Số dư 31/12/2018	261.000.000.000	1.184.000.000	50.873.139.839	30.908.188.620	343.965.328.459
Số dư 01/01/2019	261.000.000.000	1.184.000.000	50.873.139.839	30.908.188.620	343.965.328.459
Lãi trong kỳ			-	592.792.954	592.792.954
Lỗ trong kỳ			(577.985.027)	-	(577.985.027)
Chia cổ tức				(360.000.000)	(360.000.000)
Số dư 31/12/2019	261.000.000.000	1.184.000.000	50.295.154.812	31.140.981.574	343.620.136.386



CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG
 Lô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc,
 quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Năm 2019	Năm 2018
20.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	261.000.000.000	261.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	261.000.000.000	261.000.000.000
20.3. Cổ phiếu	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.100.000	26.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	26.100.000	26.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	26.100.000	26.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
20.4. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2019	01/01/2019
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.184.000.000	1.184.000.000
(*) Theo Điều lệ Công ty, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích bổ sung vốn điều lệ và mở rộng kinh doanh trong tương lai.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2019	Năm 2018
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	138.060.945.838	90.480.265.536
Doanh thu cung cấp dịch vụ	341.256.259.410	434.066.714.589
Doanh thu khác	1.042.855.533	2.887.123.223
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.533.400.000	-
	481.893.460.781	527.434.103.348
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn của hàng hóa	136.292.107.611	80.665.788.139
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	296.574.757.758	396.524.530.721
Giá vốn khác	671.137.505	2.773.775.035
Giá vốn kinh doanh bất động sản	871.737.000	-
	434.409.739.874	479.964.093.895



	Năm 2019	Năm 2018
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.495.582	3.762.083.023
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.002.220	94.131.192
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	18.497.802	3.856.214.215
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	17.099.954.799	12.424.047.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33.397.738	-
	17.133.352.537	12.495.188.325
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	403.500.000	460.737.500
	403.500.000	460.737.500
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	11.076.856.977	10.996.327.982
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.799.612.273	1.552.598.532
Chi phí dự phòng	1.906.900.000	4.536.100.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	599.893.819	7.221.627.932
Chi phí bằng tiền khác	2.042.559.771	1.499.538.942
Phân bổ lợi thế thương mại	7.296.813.144	6.647.813.437
	24.722.635.984	32.454.006.825
6. Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.929.795	-
Các khoản khác	23.134.449	582.508
	26.064.244	582.508
7. Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	277.351.494	-
Chi phí khác	585.972	67.248.717
	277.937.466	67.248.717



8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.594.682.954	300.330.126.402
Chi phí nhân công	169.341.148.292	282.467.544.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.092.421.242	11.885.177.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.570.564.340	47.435.163.237
Chi phí khác bằng tiền	9.269.724.107	9.339.471.230
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.990.856.966	5.849.624.809
Chi phí thuế hiện hành		
Thuế tính theo thuế suất hiện hành	998.171.393	1.169.924.962
Chi phí không được khấu trừ thuế	714.968.559	1.029.180.908
Phân bổ lợi thế thương mại	1.459.362.629	1.329.562.687
Ưu đãi thuế của công ty con	(671.126.175)	(42.099.210)
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.449.899.553	387.536.890
Lỗi tính thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.773.080	738.845.003
Thuế dự phòng thiếu những năm trước	-	448.847.525
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.976.049.039	5.061.798.765
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận thuần sau thuế	(577.985.027)	675.186.655
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(577.985.027)	675.186.655
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	26.100.000	26.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(22)	26

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị tính: VND

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNGLô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc,
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**2. Thông tin về các bên liên quan****2.1. Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần PPC An Thịnh Đà Nẵng	Công ty liên quan
Công ty cổ phần Bất động sản An Thịnh Hòa Bình	Công ty liên quan
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng PPC An Thịnh VN	Công ty liên quan
Công ty cổ phần An Việt Hòa Bình	Công ty liên quan
Công ty cổ phần Quốc tế Nam Hội An	Công ty liên quan
Ông Nguyễn Kháng Chiến	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	Thành viên HĐQT Công ty mẹ
Bà Nguyễn Thị Hương	Cổ đông của công ty con
Ông Lê Hoài Nam	Phó giám đốc công ty con

2.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau

<u>Bên liên quan/Nội dung</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Công ty cổ phần PPC An Thịnh Đà Nẵng		
Bán hàng hóa	2.850.227.546	2.274.188.355
Cung cấp dịch vụ	269.605.825.018	355.943.858.107
Chuyển tiền mua căn hộ	20.000.000.000	-
Công ty cổ phần Bất động sản An Thịnh Hòa Bình		
Cung cấp dịch vụ	-	1.798.390.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng PPC An Thịnh VN		
Bán hàng hóa	7.707.303.354	1.138.165.940
Cung cấp dịch vụ	46.046.727.013	56.446.102.748
Ông Nguyễn Kháng Chiến		
Tạm ứng		1.000.000.000
Hoàn ứng	318.700.000	681.300.000
Bà Nguyễn Thị Hương		
Tạm ứng	15.133.000.000	-
Thu hồi tạm ứng	8.150.000.000	
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng		
Cho vay	10.000.000.000	-
Ông Lê Hoài Nam		
Vay tiền	4.380.000.000	-

2.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNGLô A5, đường Phạm Văn Đồng, phường An Hải Bắc,
quận Sơn Trà, thành phố Đà NẵngBáo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.4. Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	3.071.562.000	2.675.300.000

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính là Dịch vụ xây lắp, Dịch vụ thương mại và Dịch vụ khác.

	Năm 2019				Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Dịch vụ xây lắp	Dịch vụ thương mại	Dịch vụ khác	Loại trừ	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	374.008.228.701	6.429.502.279	144.428.276.569	(42.954.048.966)	481.911.958.583
Khấu hao và chi phí phân bổ	357.059.623.729	12.767.186.420	138.327.149.938	(31.484.731.692)	476.669.228.395
Lợi nhuận từ hoạt động KD	16.948.604.972	(6.337.684.141)	6.101.126.631	(11.469.317.274)	5.242.730.188

	31/12/2019				Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Dịch vụ xây lắp	Dịch vụ thương mại	Dịch vụ khác	Loại trừ	
Tài sản bộ phận	787.580.238.623	138.522.208.612	160.026.437.391	(8.189.521.115)	1.077.939.363.511
Đầu tư vào công ty con		240.186.000.000	70.224.000.000	(310.410.000.000)	-
Tổng tài sản	787.580.238.623	378.708.208.612	230.250.437.391	(318.599.521.115)	1.077.939.363.511
Nợ phải trả của các bộ phận	677.572.085.700	11.859.745.414	132.491.964.885	(8.640.000.000)	813.283.795.999
Nợ phải trả không phân bổ				(78.964.568.874)	(78.964.568.874)
Tổng nợ phải trả	677.572.085.700	11.859.745.414	132.491.964.885	(87.604.568.874)	734.319.227.125

	Năm 2018				Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Dịch vụ xây lắp	Dịch vụ thương mại	Dịch vụ khác	Loại trừ	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	438.437.717.128	12.834.049.323	114.207.290.178	(38.044.953.281)	527.434.103.348
Khấu hao và chi phí phân bổ	421.640.974.402	13.576.476.848	108.275.050.207	(21.974.689.127)	521.517.812.330
Lợi nhuận từ hoạt động KD	16.796.742.726	(742.427.525)	5.932.239.971	(16.070.264.154)	5.916.291.018

	31/12/2018				Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Dịch vụ xây lắp	Dịch vụ thương mại	Dịch vụ khác	Loại trừ	
Tài sản bộ phận	810.509.012.769	71.091.249.051	146.167.148.104	40.062.557.308	1.067.829.967.232
Đầu tư vào công ty con		240.186.000.000	70.224.000.000	(310.410.000.000)	-
Tổng tài sản	810.509.012.769	311.277.249.051	216.391.148.104	(270.347.442.692)	1.067.829.967.232
Nợ phải trả của các bộ phận	704.702.343.209	7.359.052.049	62.625.051.270	(50.251.118.866)	724.435.327.662
Nợ phải trả không phân bổ					
Tổng nợ phải trả	704.702.343.209	7.359.052.049	62.625.051.270	(50.251.118.866)	724.435.327.662



4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu



Trần Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trần Minh Tuấn

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2020
Tổng Giám đốc



Nguyễn Kháng Chiến





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG



TP. Đà Nẵng, Ngày 18 tháng 04 năm 2020

Chữ ký người đại diện pháp luật



NGUYỄN KHÁNG CHIẾN